

BỘ CÔNG THƯƠNG  
VỤ THỊ TRƯỜNG CHÂU ÂU - CHÂU MỸ



THÔNG TIN XUẤT KHẨU VÀO THỊ TRƯỜNG EU  
**MẶT HÀNG DỆT MAY**

## MẶT HÀNG DỆT MAY

<b>I. Thông tin thị trường EU</b>	<b>2</b>
❖ Quy mô thị trường	2
❖ Nhu cầu nhập khẩu	3
❖ Các nguồn cung ứng	5
❖ Thị hiếu, xu hướng thị trường	9
<b>II. Tình hình sản xuất cung ứng của Việt Nam</b>	<b>13</b>
<b>III. Thực trạng Việt Nam xuất khẩu mặt hàng sang thị trường EU</b>	<b>20</b>
❖ Tổng quan xuất khẩu mặt hàng của Việt Nam	20
❖ Tình hình xuất khẩu sang thị trường EU	21
<b>VI. Các nội dung cam kết liên quan trong Hiệp định EVFTA</b>	<b>27</b>
❖ Cam kết về thuế quan	27
❖ Cam kết về quy tắc xuất xứ	30
❖ Cam kết về chứng nhận xuất xứ	31
❖ Cam kết chung về hàng rào kỹ thuật (TBT)	36
❖ Cam kết chung về sở hữu trí tuệ (SHTT)	36
❖ Cam kết chung về phát triển bền vững	38
<b>V. Thông tin chính sách, quy định liên quan của EU</b>	<b>40</b>
❖ Quy định về an toàn sản phẩm	40
❖ Quy định REACH	40
❖ Danh sách các chất hoá học bị hạn chế sử dụng (RSL)	43
❖ Quy định về tính bắt lửa của sản phẩm (Flammability)	43
❖ Dấu CE	44
❖ Công ước CITES	44
❖ Giới hạn chất lượng ở mức chấp nhận (AQL)	45
❖ Ghi nhãn sản phẩm	45
❖ Đóng gói sản phẩm	49
❖ Quy định về quyền sở hữu trí tuệ	51
❖ Thủ tục hải quan	51
<b>VI. Thực tiễn năm đầu thực thi Hiệp định EVFTA trong xuất khẩu mặt hàng sang thị trường EU</b>	<b>55</b>
<b>VIII. Các địa chỉ, thông tin hữu ích</b>	<b>79</b>

**ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:**

Vụ Thị trường châu Âu – châu Mỹ, Bộ Công Thương

Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Email: [vuaumy.moit@gmail.com](mailto:vuaumy.moit@gmail.com)

Website: [goglobal.moit.gov.vn](http://goglobal.moit.gov.vn)



## I. Thông tin thị trường EU

### ❖ Quy mô thị trường

Theo số liệu của Trung tâm Thương mại quốc tế (ITC), trong giai đoạn 2015 – 2020, nhập khẩu hàng may mặc của thế giới đạt trung bình 400 tỷ USD/năm. Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đã khiến nhập khẩu hàng may mặc của thế giới giảm mạnh trong năm 2020, kéo theo tốc độ nhập khẩu bình quân giảm 0,28%/năm (2015-2020).

Trong đó, Liên minh châu Âu (EU), Mỹ, khối các nước thuộc Hiệp định CPTPP<sup>1</sup>, Anh, Hàn Quốc là 5 thị trường nhập khẩu hàng may mặc lớn nhất. Tỷ trọng của EU trong tổng nhập khẩu hàng may mặc trên toàn thế giới tăng từ mức 39,75% năm 2015 lên 43,19% năm 2020.

Theo Liên đoàn Dệt may châu Âu (EURATEX), với mức tiêu thụ hộ gia đình gần 500 tỷ euro, EU được đánh giá là thị trường có dung lượng lớn nhất thế giới và còn nhiều tiềm năng cho các sản phẩm dệt may.

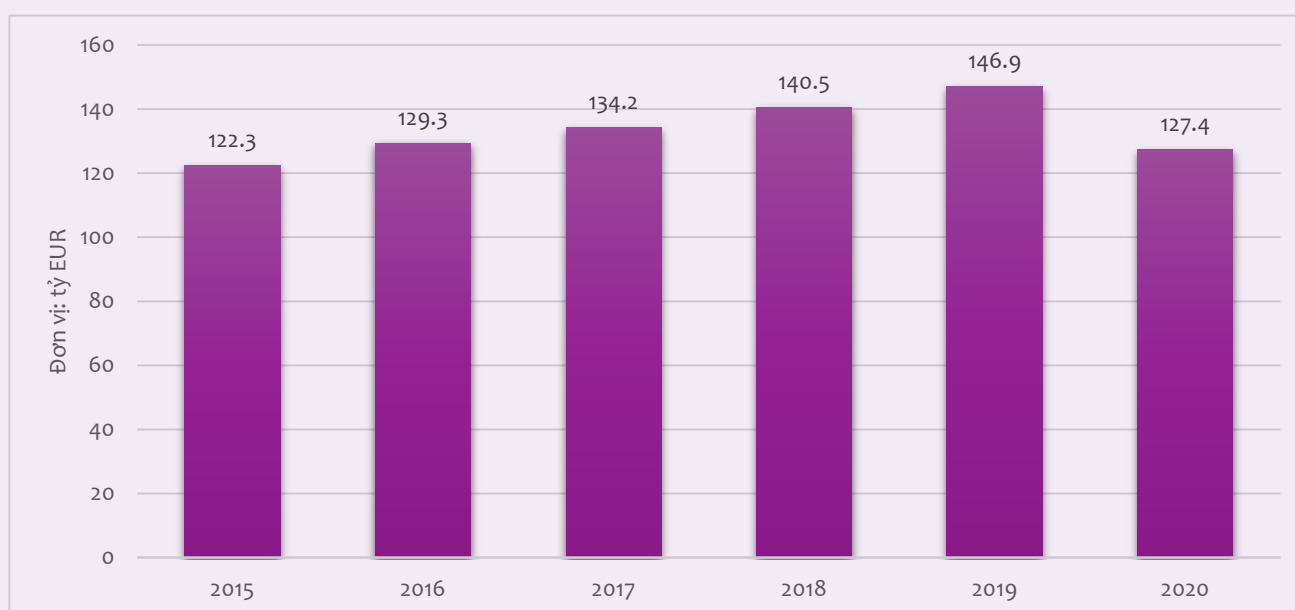


<sup>1</sup> Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership)

### ❖ Nhu cầu nhập khẩu

Theo số liệu thống kê của Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), mỗi năm EU nhập khẩu bình quân 135 tỷ EUR hàng may mặc, ghi nhận tốc độ tăng trưởng bình quân 1,38%/năm trong 5 năm trở lại đây; với kim ngạch tăng từ 122,3 tỷ EUR năm 2015 lên mức 146,9 tỷ EUR năm 2019. Năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đã khiến kim ngạch nhập khẩu sụt giảm còn 127,4 tỷ EUR.

**Biểu đồ 1: Kim ngạch nhập khẩu dệt may vào EU**



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Eurostat

### Về thị trường

Thị trường hàng may mặc Tây Âu lớn hơn so với khu vực Trung và Đông Âu. Với giá trị 30,2 tỷ EUR, Đức hiện là nhà nhập khẩu hàng may mặc lớn nhất EU (năm 2020); tiếp theo là Pháp, Tây Ban Nha, Ý, Hà Lan và Ba Lan. 6 quốc gia này gộp lại chiếm gần 73% toàn bộ thị trường nhập khẩu hàng may mặc của EU.

**Bảng 1: Các quốc gia thành viên EU nhập khẩu dệt may lớn nhất năm 2020**

STT	Quốc gia	Giá trị nhập khẩu năm 2020 (Tỷ EUR)	Tốc độ tăng trưởng trung bình 5 năm (%)
1	Đức	30,2	0,9
2	Pháp	17,1	-1,7
3	Tây Ban Nha	14,0	-0,3



STT	Quốc gia	Giá trị nhập khẩu năm 2020 (Tỷ EUR)	Tốc độ tăng trưởng trung bình 5 năm (%)
4	Ý	11,5	-1,7
5	Hà Lan	11,4	0,1
6	Ba Lan	8,7	13,3
7	Bỉ	6,6	-0,6
8	Áo	5,1	2,1
9	Đan Mạch	3,8	0,8
10	Thụy Điển	3,6	1,8

*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Eurostat*

Mặc dù một số quốc gia Đông Âu đang có tốc độ tăng trưởng nhập khẩu cao hơn so với Tây Âu, nhưng quy mô thị trường vẫn còn tương đối nhỏ. Trong 5 năm qua, Ba Lan là nước phát triển nhanh nhất trong nhóm này với giá trị nhập khẩu hàng may mặc tăng trung bình 13,3% mỗi năm. Tiếp theo là Áo với mức tăng trưởng trung bình 2,1%/năm.

### Về chủng loại

Theo số liệu thống kê của Eurostat, với giá trị 28,6 tỷ EUR, quần dài là sản phẩm may mặc lớn nhất được nhập khẩu vào EU, chiếm 22,5% tổng lượng hàng may mặc nhập khẩu. Tiếp theo là áo sơ mi và áo khoác, hàng dệt kim và váy. Năm mặt hàng này cộng lại chiếm 78,3% tổng nhập khẩu hàng may mặc vào EU. Váy, đồ



bơi & đồ thể thao, áo khoác là những danh mục sản phẩm ghi nhận tốc độ tăng trưởng nhanh nhất theo giá trị nhập khẩu.

**Bảng 2: Các mặt hàng dệt may nhập khẩu chính vào EU năm 2020**

STT	Mặt hàng	Giá trị nhập khẩu năm 2020 (Tỷ EUR)	Tốc độ tăng trưởng trung bình 5 năm (%)	
1	Quần dài	28,6	1,6	
2	Áo sơ mi và áo blouse	24,6	-2,0	
3	Áo khoác	18,7	1,7	
4	Quần áo dệt kim	17,1	1,7	
5	Váy	10,7	5,2	
6	Quần áo ngủ	9,0	0,0	
7	Denim	7,4	-1,0	
8	Đồ bơi và đồ thể thao	4,0	2,8	
8	Vest	4,0	-0,6	
9	Quần áo trẻ em	3,2	0,7	
10	Tổng	127,4	0,8	

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Eurostat

Trong 5 năm qua, kim ngạch nhập khẩu quần áo thể thao đã tăng lên đáng kể do xu hướng của người dân EU ngày càng chú trọng vấn đề sức khỏe và tham gia nhiều môn thể thao hơn. Ở chiều ngược lại, áo sơ mi (-2,0%), denim (-1,0%) và vest (-0,6%) đang có xu hướng giảm dần thị phần.

#### ❖ Các nguồn cung ứng

Hiện nay, theo ITC, tỷ trọng nhập khẩu của EU được phân chia đồng đều giữa hàng may mặc có xuất xứ từ nội khối EU và hàng may mặc có xuất xứ từ ngoài EU,

lần lượt là 50,8% và 49,2%. EU nhập khẩu hàng may mặc từ các nước đang phát triển và tái xuất khẩu cho chính các quốc gia khác trong khối.

**Nguồn cung nội khối:** Kim ngạch nhập khẩu từ nội khối đạt 82,3 tỷ USD năm 2020; ghi nhận tốc độ tăng trưởng bình quân năm 3,48%/năm giai đoạn 2015-2020. Trong đó, Đức là nhà cung ứng hàng may mặc lớn nhất cho nội khối EU, chiếm thị phần 11,77%, đạt kim ngạch 19 tỷ USD năm 2020 với tốc độ tăng trưởng 6,26%/năm. Các nước tiếp theo là Italia, Ba Lan, Hà Lan và Tây Ban Nha với thị phần khoảng 5%.

**Nguồn cung ngoại khối:** Trong giai đoạn 2015 – 2020, nhập khẩu hàng may mặc từ ngoại khối EU giảm bình quân 0,48%/năm do kim ngạch bị sụt giảm mạnh năm 2020, chỉ đạt 81,7 tỷ USD. Trong đó, nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc, Ấn Độ, Ma rốc, Tunisia... có xu hướng giảm và tăng nhập khẩu từ các thị trường Bangladesh, Thổ Nhĩ Kỳ, Anh, Việt Nam, Campuchia, Pakistan; đặc biệt tăng rất mạnh từ thị trường Myanmar.

Trong số các nhà xuất khẩu hàng may mặc ngoại khối tới thị trường EU, Trung Quốc hiện vẫn là đối tác lớn nhất, với kim ngạch năm 2020 đạt 24,5 tỷ USD, chiếm thị phần gần 15% (giảm so với mức 19,4% năm 2015). Sau Trung Quốc, Bangladesh là nhà cung ứng lớn thứ 2, đạt kim ngạch 14,7 tỷ USD năm 2020 với 8,97% thị phần.

**Bảng 3: Các nguồn cung ứng hàng may mặc tại EU giai đoạn 2015 – 2020**

Nhà cung ứng	Năm 2020	Tăng trưởng so với cùng kỳ năm ngoái (%)					Tăng trưởng bình quân năm 2015-2020 (%)
	Trị giá nhập khẩu (Nghìn USD)	N2020/19	N2019/18	N2018/17	N2017/16	N2016/15	
<b>Tổng</b>	<b>164.021.452</b>	<b>-11,02</b>	<b>4,62</b>	<b>4,66</b>	<b>4,29</b>	<b>4,34</b>	<b>1,38</b>
<b>Nội khối</b>	<b>82.328.546</b>	<b>-7,40</b>	<b>5,00</b>	<b>5,80</b>	<b>6,39</b>	<b>7,62</b>	<b>3,48</b>
Đức	19.304.366	-3,68	3,41	7,48	15,33	8,75	6,26
Italia	9.353.272	-13,14	5,14	4,14	7,21	4,23	1,52



Nhà cung ứng	Năm 2020	Tăng trưởng so với cùng kỳ năm ngoái (%)					Tăng trưởng bình quân 2015-2020 (%)
	Trị giá nhập khẩu (Nghìn USD)	N2020/19	N2019/18	N2018/17	N2017/16	N2016/15	
Ba Lan	8.807.874	18,32	33,75	7,59	3,50	20,28	16,69
Hà Lan	8.512.610	-11,18	5,12	11,97	13,62	9,64	5,83
Tây Ban Nha	8.161.538	-10,88	7,21	6,28	7,55	7,95	3,62
Pháp	5.844.598	-12,24	0,65	8,77	3,74	6,29	1,44
Bỉ	5.408.682	-14,04	-1,92	3,47	-3,94	6,46	-1,99
Đan Mạch	3.039.114	-8,71	0,47	4,25	5,72	5,09	1,36
Bồ Đào Nha	2.079.542	-1,82	1,09	-6,83	-12,98	4,84	-3,14
Rumani	1.733.829	-15,52	-10,19	1,14	-5,61	2,85	-5,47
Séc	1.664.392	-9,81	-1,60	6,55	10,12	30,61	7,17
Áo	1.590.847	-11,46	-0,12	0,44	3,16	6,41	-0,31
Thụy Điển	1.553.949	5,12	15,41	10,16	-0,51	1,90	6,42
Bungari	1.215.454	-17,42	-0,45	-2,66	2,19	10,26	-1,62
Slovakia	1.022.684	-14,11	-1,74	4,24	8,51	-7,47	-2,12
Hungary	598.401	-26,95	28,27	-4,91	18,85	-1,77	2,70
Croatia	544.136	-5,08	-12,98	-2,82	6,49	9,98	-0,88
Hy Lạp	404.654	-14,15	-0,04	4,66	5,45	-2,92	-1,40
Litva	345.341	-31,56	1,06	21,66	-3,40	-4,22	-3,29
Phần Lan	267.156	-7,68	8,19	9,60	-4,32	1,74	1,51
Slovenia	236.694	-11,34	-0,33	-5,76	-1,00	8,28	-2,03
Estonia	149.978	-13,32	3,74	7,00	-4,85	-2,06	-1,90
Luxembourg	143.461	33,21	24,68	-8,67	-21,08	9,74	7,58
Latvia	137.435	-21,39	5,65	-4,31	-1,44	0,19	-4,26
Ai Len	133.799	-25,75	11,80	-19,00	-32,93	1,97	-12,78
Malta	29.210	-44,40	127,01	-38,72	26,75	-30,33	8,06
CH Síp	21.060	-46,40	31,97	-17,59	6,23	37,46	2,33
<b>Ngoại khối</b>	<b>81.692.906</b>	<b>-14,40</b>	<b>4,27</b>	<b>3,64</b>	<b>2,45</b>	<b>1,64</b>	<b>-0,48</b>
Trung Quốc	24.563.082	-10,98	-0,02	0,22	-1,45	-6,78	-3,80
Bangladesh	14.713.383	-17,65	7,51	7,65	2,70	9,11	1,86
Thổ Nhĩ Kỳ	9.592.356	-8,79	4,80	2,77	2,23	2,71	0,74
Anh	4.913.536	-12,18	2,43	-0,32	4,11	8,75	0,56
Ấn Độ	3.519.953	-24,80	0,63	-1,51	-0,80	2,10	-4,88
<b>Việt Nam</b>	<b>3.286.388</b>	<b>-11,74</b>	<b>10,52</b>	<b>7,72</b>	<b>5,71</b>	<b>6,84</b>	<b>3,81</b>
Campuchia	2.915.344	-25,75	1,35	8,84	10,03	20,32	2,96
Pakistan	2.540.982	-12,62	12,79	0,89	10,52	10,03	4,32
Myanmar	2.393.478	-9,36	43,44	54,13	66,43	64,29	43,79

Nhà cung ứng	Năm 2020	Tăng trưởng so với cùng kỳ năm ngoái (%)					Tăng trưởng bình quân 2015-2020 (%)
	Trị giá nhập khẩu (Nghìn USD)	N2020/19	N2019/18	N2018/17	N2017/16	N2016/15	
Ma rốc	2.371.186	-24,66	1,82	3,24	6,11	11,11	-0,48
Tunisia	1.997.372	-14,97	-1,56	4,16	1,72	-1,29	-2,39

Nguồn: Tính toán từ số liệu của ITC

**Bảng 4: Thị phần hàng may mặc tại EU giai đoạn 2015 – 2020**

Năm	Thị phần hàng may mặc của một số nhà cung cấp chính trong tổng nhập khẩu của EU (%)						Thị phần hàng may mặc của một số nhà cung cấp tại EU từ thị trường ngoại khối (%)					
	2020	2019	2018	2017	2016	2015	2020	2019	2018	2017	2016	2015
Tổng	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00						
<b>Nội khối</b>	<b>50,19</b>	<b>48,23</b>	<b>48,06</b>	<b>47,54</b>	<b>46,60</b>	<b>45,18</b>						
Đức	11,77	10,87	11,00	10,71	9,68	9,29						
Italia	5,70	5,84	5,81	5,84	5,68	5,69						
Ba Lan	5,37	4,04	3,16	3,07	3,10	2,69						
Hà Lan	5,19	5,20	5,17	4,84	4,44	4,23						
Tây Ban Nha	4,98	4,97	4,85	4,77	4,63	4,47						
Pháp	3,56	3,61	3,76	3,61	3,63	3,57						
Bỉ	3,30	3,41	3,64	3,68	4,00	3,92						
Đan Mạch	1,85	1,81	1,88	1,89	1,86	1,85						
Bồ Đào Nha	1,27	1,15	1,19	1,34	1,60	1,59						
Rumani	1,06	1,11	1,30	1,34	1,48	1,50						
Séc	1,01	1,00	1,06	1,05	0,99	0,79						
Áo	0,97	0,97	1,02	1,06	1,08	1,05						
Thụy Điển	0,95	0,80	0,73	0,69	0,72	0,74						
Bungari	0,74	0,80	0,84	0,90	0,92	0,87						
Slovakia	0,62	0,65	0,69	0,69	0,66	0,75						
Hungary	0,36	0,44	0,36	0,40	0,35	0,37						
Croatia	0,33	0,31	0,37	0,40	0,39	0,37						
Hy Lạp	0,25	0,26	0,27	0,27	0,26	0,28						
Litva	0,21	0,27	0,28	0,24	0,26	0,29						
Phần Lan	0,16	0,16	0,15	0,14	0,16	0,16						
Slovenia	0,14	0,14	0,15	0,17	0,18	0,17						
Estonia	0,09	0,09	0,09	0,09	0,10	0,11						
Luxembourg	0,09	0,06	0,05	0,06	0,07	0,07						
Latvia	0,08	0,09	0,09	0,10	0,11	0,11						
Ái Len	0,08	0,10	0,09	0,12	0,18	0,19						
Malta	0,02	0,03	0,01	0,02	0,02	0,03						
CH Síp	0,01	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02						
<b>Ngoại khối</b>	<b>49,81</b>	<b>51,77</b>	<b>51,94</b>	<b>52,46</b>	<b>53,40</b>	<b>54,82</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>
Trung Quốc	14,98	14,97	15,66	16,36	17,31	19,38	30,07	28,92	30,15	31,18	32,42	35,35
Bangladesh	8,97	9,69	9,43	9,17	9,31	8,91	18,01	18,72	18,16	17,48	17,44	16,25
Thổ Nhĩ Kỳ	5,85	5,70	5,70	5,80	5,92	6,01	11,74	11,02	10,96	11,06	11,08	10,97

	Thị phần hàng may mặc của một số nhà cung cấp chính trong tổng nhập khẩu của EU (%)						Thị phần hàng may mặc của một số nhà cung cấp tại EU từ thị trường ngoại khối (%)					
Anh	3,00	3,04	3,10	3,25	3,26	3,13	6,01	5,86	5,97	6,20	6,11	5,71
Ấn Độ	2,15	2,54	2,64	2,81	2,95	3,01	4,31	4,91	5,08	5,35	5,52	5,50
<b>Việt Nam</b>	<b>2,00</b>	<b>2,02</b>	<b>1,91</b>	<b>1,86</b>	<b>1,83</b>	<b>1,79</b>	<b>4,02</b>	<b>3,90</b>	<b>3,68</b>	<b>3,54</b>	<b>3,43</b>	<b>3,27</b>
Campuchia	1,78	2,13	2,20	2,11	2,00	1,74	3,57	4,11	4,23	4,03	3,75	3,17
Pakistan	1,55	1,58	1,46	1,52	1,43	1,36	3,11	3,05	2,82	2,89	2,68	2,48
Myanmar	1,46	1,43	1,04	0,71	0,44	0,28	2,93	2,77	2,01	1,35	0,83	0,52
Morocco	1,45	1,71	1,75	1,78	1,75	1,64	2,90	3,30	3,38	3,39	3,27	2,99
Tunisia	1,22	1,27	1,35	1,36	1,40	1,47	2,44	2,46	2,61	2,59	2,61	2,69

Nguồn: Tính toán từ số liệu của ITC

### ❖ Thị hiếu, xu hướng thị trường

Thị trường EU có nhu cầu tiêu dùng hàng may mặc rất đa dạng và chú trọng nhiều đến giá cả, tính thời trang, chất lượng...; đồng thời ngày càng quan tâm đến các sản phẩm mang yếu tố bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.

Kết quả khảo sát của Chương trình xúc tiến nhập khẩu Thụy Sĩ (SIPPO) cho thấy hậu dịch Covid-19, người dân EU có 02 xu hướng tiêu dùng: (1) Một số muốn bù đắp thời gian giãn cách do dịch bệnh sẽ mua sắm nhiều hơn; (2) Số khác tiêu dùng một cách thận trọng và quan tâm nhiều hơn tới yếu tố môi trường và trách nhiệm xã hội. Tuy nhiên, các chuyên gia nhận định xu hướng tiêu dùng thứ hai nhiều khả năng xảy ra hơn bởi công việc của người dân EU bị ảnh hưởng, thu nhập kém đi, tiêu dùng thận trọng là điều tất yếu. Ngoài ra, ngành dệt may vẫn bị đánh giá ảnh hưởng không tích cực tới môi trường; theo đó thời trang nhanh, thời trang giá rẻ không chú trọng môi trường đang bị người tiêu dùng đánh giá thấp hơn, thậm chí hạn chế mua những sản phẩm như vậy. Thống kê mới đây cho thấy 77% người tiêu dùng EU quan tâm đến điều kiện môi trường, 72% chú trọng đến các dịch vụ liên quan sản phẩm và 51% chú ý đến chất lượng.

Ngoài ra, trong bối cảnh nhu cầu thay đổi sản phẩm thời trang cao và xu hướng cá nhân hóa sản phẩm, việc liên tục thay đổi kiểu dáng và mẫu mã sản phẩm trở nên cần thiết. Phương thức sản xuất đại trà dần thay đổi theo hướng giảm thiểu



về quy mô mỗi lô hàng để tránh tồn kho cao. Hiện nay, người tiêu dùng đã có thể thiết kế riêng sản phẩm dệt may theo phong cách cá nhân của riêng mình như lựa chọn màu sắc, họa tiết, chất liệu, chiều dài, độ rộng, thiết kế, mẫu mã và đặt hàng trực tiếp từ nhà sản xuất. Nhà sản xuất dệt may cần nhanh chóng thay đổi phương thức sản xuất để bắt kịp xu hướng tiêu dùng mới. Thay vì chờ đợi những đơn hàng lớn, doanh nghiệp cần chú trọng sản xuất đơn hàng nhỏ có tính khác biệt, thời gian giao hàng nhanh. Đồng thời, linh hoạt trong sản xuất và quản lý để đáp ứng đa dạng nhu cầu của khách hàng.

Người tiêu dùng châu Âu cũng ngày càng quan tâm đến vấn đề thời trang bền vững. Do vậy, để thích ứng với những quan tâm của khách hàng, hầu hết các hãng thời trang lớn tại khu vực cũng đưa ra các biện pháp để giảm thiểu



các tác động của sản xuất dệt may đến môi trường và sử dụng các loại nguyên vật liệu thân thiện với môi trường, ít sử dụng hóa chất.

### **Nhu cầu tiêu thụ các loại quần áo thể thao tăng nhanh**

Các chuyên gia kỳ vọng thị trường thể thao sẽ tăng trưởng khoảng 7% mỗi năm, từ năm 2019 đến năm 2026. Phân loại quần legging cho thấy tiềm năng lớn nhất với mức tăng trưởng dự kiến là 8%/năm trong giai đoạn này.

Athleisure là sự kết hợp giữa trang phục thể thao và trang phục giải trí. Xu hướng mới này đang trở nên quan trọng hơn trong thời trang do sự gia tăng của các hoạt động thể thao và duy trì thể lực cá nhân, trong đó khách hàng trẻ tuổi đang trở thành đối tượng tiềm năng đối với các nhà sản xuất đồ thể thao. Thông thường, những bộ quần áo này được làm từ chất liệu sử dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, có lợi cho sức khỏe, cũng như sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường.

## Nhu cầu đối với các loại quần áo bảo hộ lao động tại EU tăng

Theo Trung tâm Thúc đẩy xuất khẩu từ các nước đang phát triển của Hà Lan (CBI), trong bối cảnh thị trường hàng dệt may truyền thống khá bão hòa, cùng với những ảnh hưởng tiêu cực từ dịch Covid-19, một số chủng loại mặt hàng dệt may đang có xu hướng phát triển nhờ nhu cầu nhập khẩu lớn của thị trường EU, điển hình như trang phục bảo hộ lao động. Việc châu Âu áp dụng luật an toàn sẽ khiến cho nhu cầu về các loại quần áo bảo hộ chuyên dụng tăng cao trong thời gian tới.

Thị trường quần áo bảo hộ lao động tại châu Âu đạt khoảng 3 tỷ EUR, trong đó 85% là sản phẩm dành cho nam giới. Đây là phân khúc được đánh giá có tiềm năng tăng trưởng cao với tốc độ tăng trưởng trung bình đạt 7,5% mỗi năm, cao hơn cả tốc độ tăng trưởng hàng may mặc nói chung. Các nhà nhập khẩu nội địa lớn nhất bao gồm Đức, Pháp, Hà Lan, Bỉ và Italia.



Hiện tại, 55% quần áo bảo hộ lao động nhập khẩu của EU có nguồn gốc từ các thị trường ngoại khối EU và 45% xuất xứ từ các thị trường nội khối. Đáng chú ý,

nhập khẩu quần áo bảo hộ lao động của EU từ các nền kinh tế đang phát triển có xu hướng tăng nhanh, khi nhập khẩu từ các thị trường này đã tăng trung bình 11,6% từ năm 2013 đến nay. Điều này cho thấy nhu cầu về quần áo bảo hộ lao động từ các nước đang phát triển là rất lớn và các doanh nghiệp Việt Nam có cơ hội tham gia vào thị trường này. Cùng với xu hướng chung về hàng may mặc, quần áo bảo hộ lao động tại thị trường châu Âu ngày nay cũng hướng tới yếu tố bền vững, đổi mới công nghệ và tăng cường chú trọng đến trách nhiệm xã hội và doanh nghiệp.

### **Nhu cầu tiêu dùng ga trải giường sợi tự nhiên tại EU tăng**

Theo CBI, thị trường ga trải giường ở châu Âu khá ổn định và hầu hết được nhập khẩu từ các nước đang phát triển. Phân khúc thị trường trung bình mang lại nhiều cơ hội xuất khẩu nhiều nhất. Các sản phẩm tập trung vào thiết kế, kỹ thuật thủ công và chất lượng nguyên liệu sẽ thu hút được nhiều người tiêu dùng trong phân khúc này. Việc ngày càng nhiều nhà sản xuất sử dụng các loại vải bền vững cũng có thể thu hút được nhiều đơn hàng và nâng cao khả năng cạnh tranh.

Nhập khẩu ga trải giường của châu Âu tương đối ổn định. Các nước đang phát triển là nhà cung cấp ga trải giường hàng đầu của châu Âu. Các nhà nhập khẩu ga trải giường chính của châu Âu là Tây Ban Nha, Đức, Hà Lan...

Các yếu tố thúc đẩy tiêu dùng ga trải giường bằng sợi tự nhiên tại EU: Người tiêu dùng và các nhà thiết kế châu Âu ngày càng nỗ lực để tránh tác động tiêu cực đến môi trường do tiêu dùng và sản xuất. Điều này đang thúc đẩy các nhà sản xuất ga trải giường hướng tới các nguyên liệu thô bền vững như bông hữu cơ, cây gai dầu và tre.



## II. Tình hình sản xuất cung ứng của Việt Nam

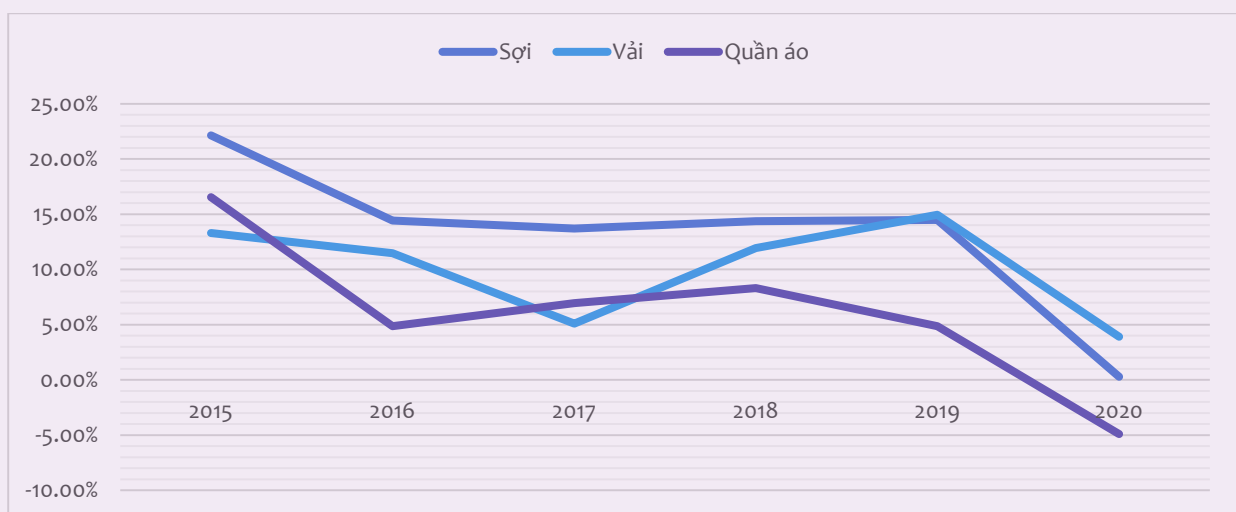
Ngành dệt may Việt Nam có tốc độ tăng trưởng tương đối cao, với số lượng và quy mô các doanh nghiệp liên tục phát triển qua các năm. Theo thống kê sơ bộ, toàn ngành hiện có khoảng 7.000 doanh nghiệp, sử dụng gần 3 triệu lao động.



Việt Nam vẫn gần như đứng cuối nguồn trong chuỗi giá trị sản xuất dệt may, chủ yếu ở khâu may mặc. Tuy nhiên, kể từ năm 2015 đến nay, cơ cấu tăng trưởng ngành dệt may Việt Nam đã thay đổi đáng kể. Thay vì tập trung phát triển ngành may thì ngành dệt đang có những bước chuyển mình tích cực.

Tốc độ tăng trưởng sản lượng của ngành dệt (đại diện là mặt hàng sợi và vải) bình quân trong giai đoạn 2015-2020 đã cao hơn gấp đôi so với tốc độ tăng trưởng sản xuất ngành may. Theo đó, sản lượng mặt hàng sợi và vải đã tăng lần lượt 13,24%/năm và 10,11%/năm trong giai đoạn này.

**Biểu đồ 2: Tốc độ tăng trưởng của ngành dệt may 2015-2020**



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê

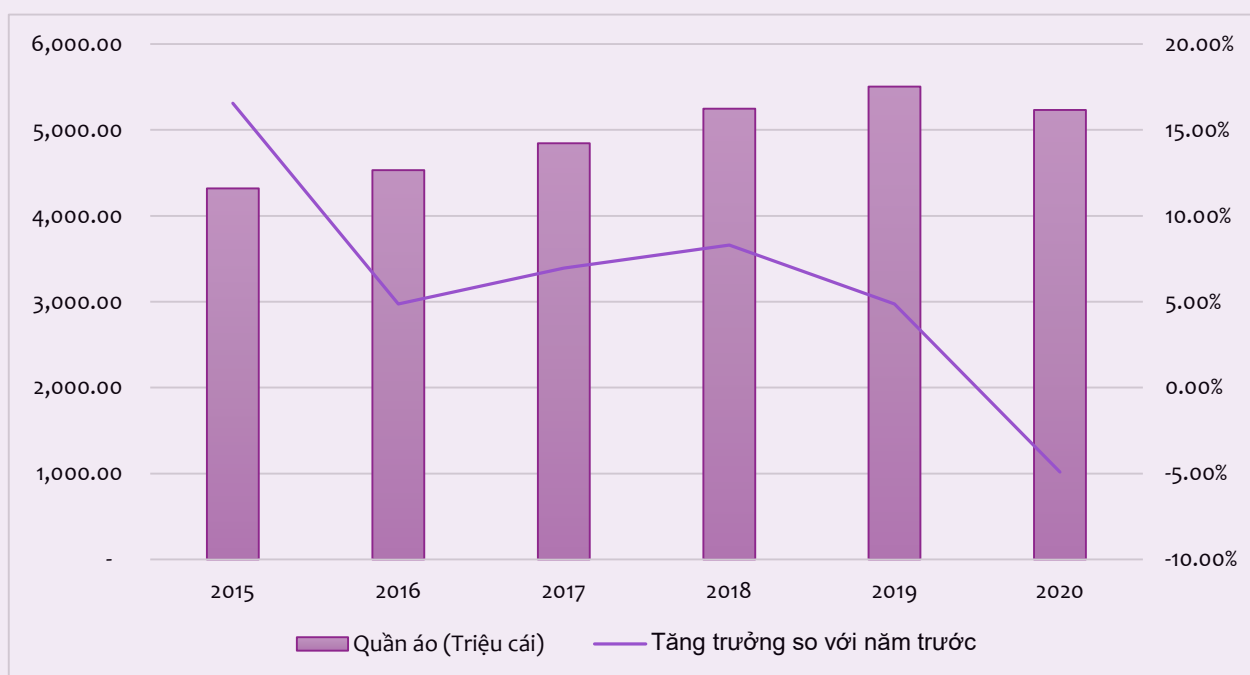
- **Hàng may mặc**

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, sản lượng sản xuất trang phục của Việt Nam tăng bình quân 6,10%/năm trong giai đoạn 2015-2020 và đạt 5.232 triệu chiếc vào năm 2020, giảm 4,91% so với năm 2019. Năm 2021, mặc dù các nhà máy dệt may bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid-19, đặc biệt ở khu vực phía Nam nhưng sản lượng quần áo may mặc của cả nước vẫn ước đạt 4.698,7 triệu cái, tăng 5% so với năm 2020.



Hiện ngành may mặc Việt Nam chủ yếu tham gia vào phần thứ 3 trong chuỗi cung ứng dệt may là cắt và may, rất ít thực hiện các khâu thiết kế, marketing và phân phối sản phẩm. Giá trị gia tăng của ngành còn ở mức thấp và phần lớn doanh nghiệp ở quy mô vừa và nhỏ.

**Biểu đồ 3: Sản lượng sản xuất quần áo thường của Việt Nam 2015-2020**

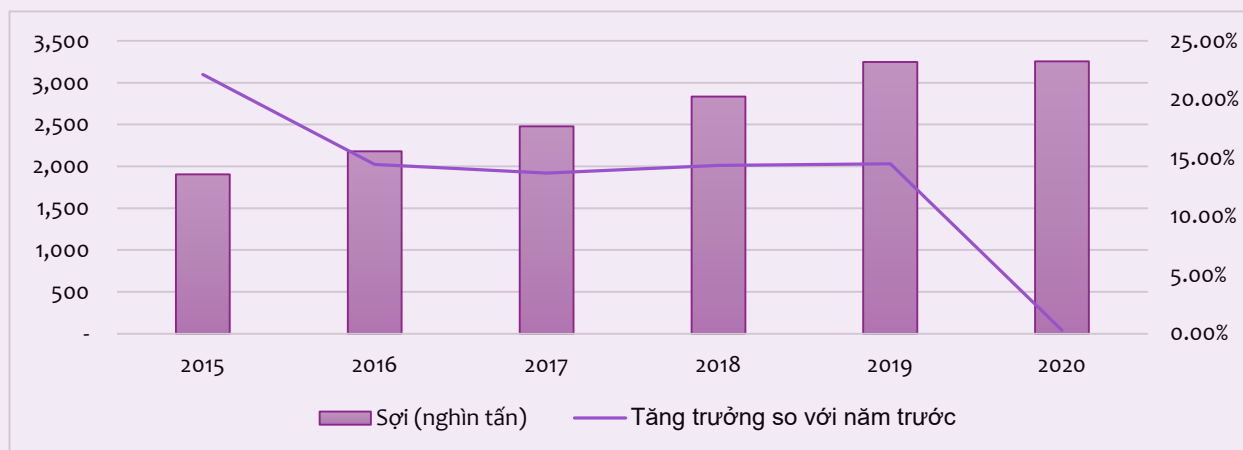


Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê

- Sản xuất tơ, sợi

Sản lượng sợi của Việt Nam không ngừng tăng qua các năm và đạt 3.255 nghìn tấn vào năm 2020, tăng 70,88% so với năm 2015. Trong giai đoạn 2015-2020, tăng trưởng sản xuất sợi đạt trung bình 13,24%/năm.

**Biểu đồ 4: Sản lượng sợi của Việt nam 2015-2020**



*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê*

Hiện sản xuất trong nước chủ yếu tập trung vào sợi tơ tổng hợp, chiếm khoảng 61,7% tổng sản lượng. Ngoài sản phẩm sợi dệt kim được sử dụng cho sản xuất dệt may trong nước, các loại sợi khác chủ yếu được xuất khẩu. Thiết bị kéo sợi của các doanh nghiệp dệt may Việt Nam có trình độ công nghệ khá.

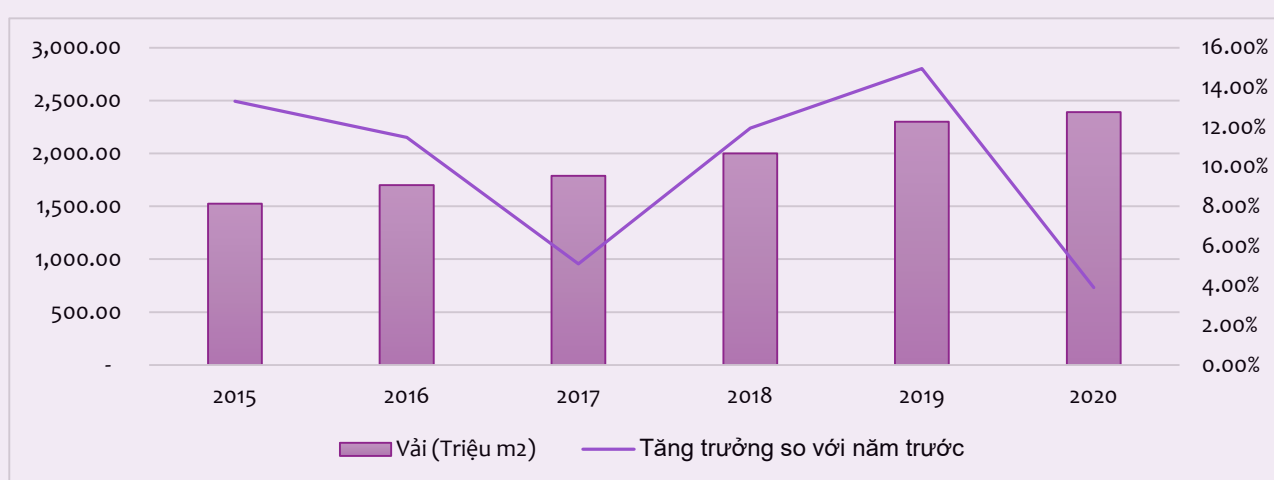




## • Dệt

Sản lượng vải của Việt Nam hiện nay đạt trung bình khoảng 1,95 tỷ m<sup>2</sup>/năm, ghi nhận mức tăng trưởng bình quân 10,11% trong giai đoạn 2015-2020, đáp ứng được khoảng 25% nhu cầu thị trường trong nước. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, sản lượng vải dệt từ sợi tổng hợp của Việt Nam năm 2021 đạt 1,167 tỷ m<sup>2</sup>, tăng 7,3% so với năm 2020; trong khi đó vải dệt từ sợi tự nhiên đạt 688,2 triệu m<sup>2</sup>, tăng 3,3% so với năm 2020.

**Biểu đồ 5: Sản lượng vải của Việt Nam giai đoạn 2015-2020**



*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê*

Hiện nay, vải sản xuất trong nước chưa đáp ứng được yêu cầu của các doanh nghiệp sản xuất hàng may mặc xuất khẩu. Hầu hết thiết bị dệt thoi ở trình độ công nghệ trung bình khá, năng suất và chất lượng đạt mức trung bình



- **Nhuộm, in hoa và hoàn tất**

Ước tính sơ bộ, Việt Nam có khoảng 180 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nhuộm in hoa và xử lý hoàn tất vải. Do công đoạn nhuộm và hoàn tất của Việt Nam chưa phát triển nên các doanh nghiệp phải sản xuất vải mộc chưa qua nhuộm và hoàn tất, sau đó nhập khẩu vải đã qua xử lý về sử dụng. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến tình trạng phần lớn sản phẩm dệt trong nước đều xuất khẩu mà không được tiêu thụ tại thị trường nội địa.

Một số doanh nghiệp trong nước đã chuyển đổi dây chuyền hoàn tất vải len và vải bông với thiết bị châu Âu có trình độ tiên tiến. Hầu hết các dây chuyền nhuộm hoàn tất đều chưa được quản lý và khai thác công nghệ tương xứng với tính năng thiết bị. Đây là điểm yếu nhất của ngành dệt quốc doanh Việt Nam.

- **Sản xuất phụ liệu dệt may**

Sản xuất phụ liệu dệt may là lĩnh vực được chú trọng thu hút đầu tư nhưng hiện trong nước chỉ đáp ứng khoảng 50% nhu cầu.

Các loại khuy, cúc, khóa kéo... phải nhập khẩu với số lượng và được nhập khẩu nhiều từ thị trường Trung Quốc.



Đối với sản xuất mực, một số công ty trong nước đã sản xuất được loại mực có chất lượng tương đương với mực của Trung Quốc. Tuy nhiên, những loại mực đáp ứng được tiêu chuẩn cao của châu Âu thì Việt Nam mới đang trong giai đoạn nghiên cứu.

- ❖ **Các lợi thế cạnh tranh**

- ✓ Lợi thế về lao động mang lại sức hút lớn cho Việt Nam, đặc biệt trong thu hút các đơn đặt hàng gia công. Lực lượng lao động ngành dệt may Việt Nam

được đánh giá là có nền tảng tốt, có kỹ năng và tay nghề tương đối cao so với lao động ngành may ở nhiều nước.

- ✓ Thời gian sản xuất và chi phí lao động ở Việt Nam ở mức trung bình, không quá cao (ví dụ chi phí lương cho lao động dệt may tại Việt Nam chỉ bằng 2/3 so với lương tại Indonesia và Malaysia).
- ✓ 90% các thiết bị trong ngành may mặc được hiện đại hóa, đáp ứng các yêu cầu của các nhà nhập khẩu dệt may nước ngoài.
- ✓ Nhiều doanh nghiệp dệt may được tổ chức tốt và có quy mô lớn, có kinh nghiệm trong sản xuất và xuất khẩu, có thể tuân thủ các tiêu chuẩn quản lý và xã hội. Hơn nữa các công ty này còn có mối quan hệ chặt chẽ và ổn định với nhiều nhà nhập khẩu và bán lẻ trên thế giới.
- ✓ Việt Nam có vị trí địa lý gần với các nguồn cung nguyên liệu (vải, phụ kiện chính cho ngành) trên thế giới.
- ✓ Nền kinh tế mở tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển và đầu tư vào lĩnh vực dệt may.

#### ❖ Hạn chế và khó khăn trong sản xuất

Ngành dệt may Việt Nam đang bị lệ thuộc nhiều vào nguồn cung ứng nguyên phụ liệu từ bên ngoài. Công nghiệp phụ trợ cho ngành còn yếu. Khoảng 60% nguyên phụ liệu ngành dệt may là nhập khẩu, chủ yếu là từ thị trường Trung Quốc. Sự phụ thuộc vào nguyên vật liệu nhập khẩu đã khiến nhiều doanh nghiệp dệt may gặp khó khăn do các đối tác chậm trễ trong giao hàng, trong đợt dịch cao điểm, toàn ngành đã bị ảnh hưởng từ 20 - 30% năng lực sản xuất.

Sản xuất dệt may Việt Nam chủ yếu theo phương thức gia công cắt-may (65%), công đoạn có giá trị gia tăng gần như thấp nhất trong chuỗi sản xuất (chỉ khoảng 2-5% giá FOB<sup>2</sup> sản phẩm).

<sup>2</sup> Giá FOB (Free on board) chính là giá tại cửa khẩu bên nước của người bán

Dù có nguồn nhân công dồi dào nhưng Việt Nam vẫn thiếu nguồn nhân lực được đào tạo bài bản có kỹ năng, kinh nghiệm về quản lý, tiếp thị, kỹ năng thiết kế, phát triển sản phẩm còn hạn chế.

Công nghệ dệt may trên thế giới có sự thay đổi rất nhanh (đặc biệt là các khía cạnh như chất liệu dệt may, tự động hóa trong các khâu), trong khi sự thích ứng, đổi mới của phần lớn doanh nghiệp dệt may chưa theo kịp tốc độ.

Hầu hết các doanh nghiệp trong ngành là doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) với nguồn vốn đầu tư thấp và hạn chế khả năng về đổi mới công nghệ và thiết bị.

#### ❖ **Một số định hướng sản xuất**

Vào cuối năm 2021, Tập đoàn Dệt may Việt Nam đã đưa ra ba kịch bản tăng trưởng của ngành dệt may trong năm 2022 tương đối thận trọng.

Kịch bản cao là từ quý IV/2021 đến quý I/2022, có trên 80% lao động quay trở lại nhà máy sản xuất, kim ngạch xuất khẩu có thể đạt mức 40 tỷ USD (tương đương mức xuất khẩu trung bình của Việt Nam). Trong khi với kịch bản thấp là trong quý I/2022, chỉ huy động được dưới 60% lao động và mỗi quý tiếp theo tăng thêm 10%, kim ngạch xuất khẩu chỉ đạt 36 tỷ USD.

Trong thời gian tới, để nâng cao năng lực cạnh tranh và giá trị gia tăng cho hàng dệt may, Việt Nam cần đầu tư sản xuất sợi, vải trong nước, đáp ứng yêu cầu chất lượng cho may xuất khẩu và quy tắc xuất xứ của các FTA<sup>3</sup> thế hệ mới, cũng như đẩy mạnh quá trình nội địa hóa nhằm cải thiện và giảm nhanh khoảng cách chênh lệch về trình độ và năng suất với các nước có ngành dệt phát triển hơn.

Xây dựng các khu công nghiệp ngành dệt may đồng bộ bao gồm chuỗi sợi-dệt-nhuộm, hoàn tất vải-may mặc, hình thành chuỗi giá trị và cung ứng hoàn chỉnh giữa sản xuất sợi, vải, may và sản xuất nguyên, phụ liệu; ưu tiên dự án sử dụng

<sup>3</sup> FTA (Free trade agreement): Hiệp định Thương mại tự do



công nghệ tiên tiến, có quy trình sản xuất đồng bộ, đáp ứng các yêu cầu về sản xuất dệt may bền vững, tuần hoàn.

### III. Thực trạng Việt Nam xuất khẩu mặt hàng sang thị trường EU

#### ❖ Tổng quan xuất khẩu mặt hàng của Việt Nam

Trên thị trường may mặc toàn cầu, Việt Nam ngày càng khẳng định vị thế của mình và trở thành đối tác cung ứng được nhiều nhà nhập khẩu lựa chọn nhờ sản phẩm có khả năng cạnh tranh cao, quy mô sản xuất ngày càng mở rộng.



Trong giai đoạn 2015 – 2020, khi xuất khẩu hàng may mặc toàn thị trường thế giới giảm bình quân 0,47%/năm thì xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam vẫn đạt tăng trưởng 5,81%/năm. Theo số liệu của ITC, năm 2020, Việt Nam là nhà xuất khẩu may mặc lớn thứ 4 trên thế giới sau Trung Quốc, EU và Bangladesh, chiếm 7,05% thị phần xuất khẩu may mặc toàn cầu, tăng cao so với mức 5,54% năm 2016.

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, năm 2020, xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam đạt 29,8 tỷ USD, giảm 9,21% so với năm 2019 và hoàn thành 90% kế hoạch xuất khẩu của cả năm, do chịu ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch Covid-19, nhưng vẫn là một trong những mặt hàng chủ lực có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất năm 2020. Năm 2021, theo số liệu sơ bộ của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu hàng dệt may đạt 32,8 tỷ USD, tăng 9,9% so với năm 2020.

Hiện nay, các sản phẩm dệt may của Việt Nam đã có mặt trên 200 quốc gia và vùng lãnh thổ. Bên cạnh việc giữ vững mức tăng trưởng tốt ở những thị trường xuất khẩu chính như: Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, dệt may Việt Nam đã nỗ lực bứt phá tại các thị trường khác như: Trung Quốc, Nga, Campuchia, Indonesia, Thái Lan...

Cơ cấu chủng loại hàng may mặc xuất khẩu của Việt Nam trong giai đoạn 2016 – 2020 tương đối ổn định với các sản phẩm chính như áo thun, áo jacket, quần, quần áo trẻ em, vải, áo sơ mi, đồ lót... Đáng chú ý, trong giai đoạn này, một số mặt hàng đạt tốc độ tăng trưởng bình quân rất cao như quần áo trẻ em, vải, đồ lót, quần áo bảo hộ lao động, áo len, quần áo bơi... Những mặt hàng may mặc thông thường, có tính tiện dụng cao sẽ là những mặt hàng có triển vọng xuất khẩu. Đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh, tỷ trọng xuất khẩu những mặt hàng này càng có xu hướng tăng nhanh.

#### ❖ Tình hình xuất khẩu sang thị trường EU

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, năm 2020, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang thị trường EU đạt 3,11 tỷ USD, ghi nhận tăng trưởng bình quân 2,56%/năm trong giai đoạn năm 2015 – 2020. Tỷ trọng kim



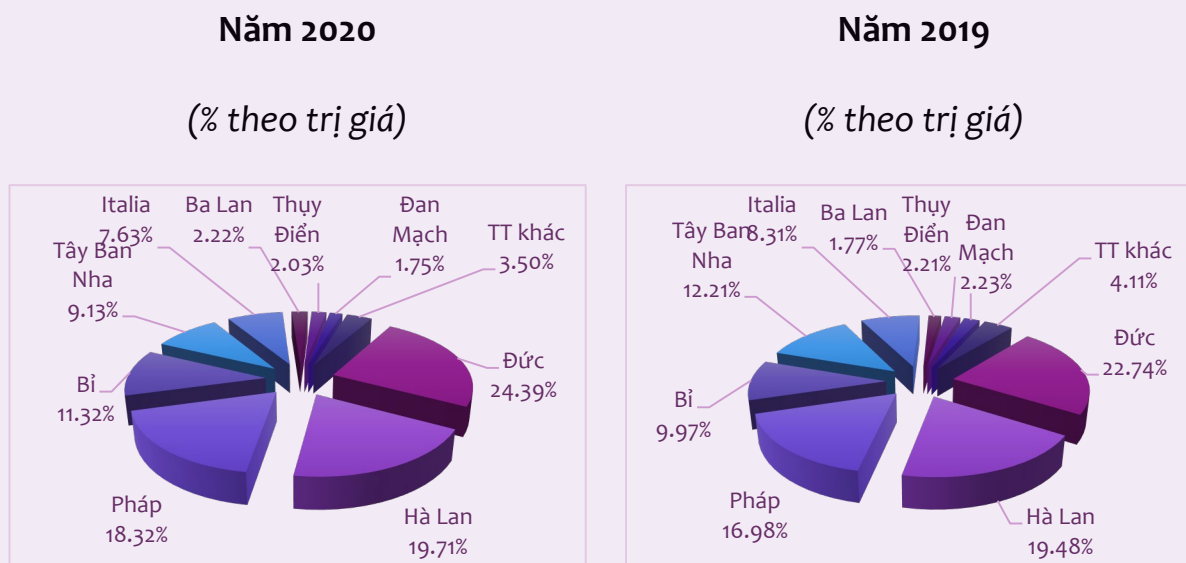
ngạch xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang EU bị thu hẹp lại từ 12,08% trong năm 2015 xuống 10,45% vào năm 2020.

**Về thị trường:** Xuất khẩu sang Đức, Hà Lan – hai thị trường lớn nhất có xu hướng tăng trưởng chậm lại, trong khi gia tăng xuất khẩu vào các thị trường như Pháp, Bỉ, Ba Lan và giảm xuất khẩu sang các thị trường Tây Ban Nha, Thụy Điển, Ai Len... Đáng chú ý, xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang các thị trường như Slovenia, Latvia, Croatia, Hungary... đạt tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2015 – 2020 rất cao.

**Bảng 5: Xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang các nước EU 2015-2020**

Thị trường	Năm 2020 (Nghìn USD)	Thay đổi kim ngạch xuất khẩu qua các năm (%)					Tăng trưởng trung bình quân 2015 – 2020 (%)
		N2020/19	N2019/18	N2018/17	N2017/16	N2016/15	
<b>EU</b>	<b>3.113.761</b>	<b>-12,56</b>	<b>4,61</b>	<b>10,23</b>	<b>8,20</b>	<b>2,31</b>	<b>2,56</b>
Đức	761.575	-6,68	1,98	8,45	1,46	3,22	1,69
Hà Lan	615.431	-11,61	12,64	2,17	12,43	3,75	3,88
Pháp	572.096	-4,66	-2,82	17,10	21,03	22,78	10,68
Bỉ	353.360	-0,60	39,34	19,62	5,29	8,27	14,38
Tây Ban Nha	285.134	-34,36	-6,72	3,05	1,89	-15,69	-10,36
Italia	238.211	-20,19	12,04	11,53	12,87	-0,42	3,16
Ba Lan	69.399	10,25	13,03	29,49	-3,17	-1,08	9,70
Thụy Điển	63.318	-19,25	-10,52	18,99	15,97	-5,97	-0,15
Đan Mạch	54.580	-31,31	-18,04	24,38	1,74	-0,89	-4,82
Áo	22.554	-36,54	-15,46	13,76	36,93	34,42	6,62
Âi Len	19.622	-25,16	13,33	0,15	-1,48	-6,78	-3,99
CH Séc	12.678	1,34	-7,37	42,72	4,34	-16,61	4,88
Slovenia	12.450	-6,39	2,98	51,45	26,86	46,08	24,19
Phần Lan	10.113	-28,87	-4,40	88,93	-18,72	-4,65	6,46
Croatia	9.383	-49,29	26,53	26,63	31,63	235,15	54,13
Hy Lạp	5.884	-29,67	8,06	-18,26	18,25	17,05	-0,92
Latvia	3.387	19,51	222,21	-17,91	-75,15	148,77	59,49
Hungary	1.609	43,69	-65,91	54,87	126,30	-38,19	24,15
Malta	794	-43,57	37,51	31,09	9,42	7770,87	1561,06
Slovakia	616	-39,23	-14,19	-32,13	-38,72	-25,51	-29,96
Bồ Đào Nha	505	-36,02	-17,03	68,39	60,46	-33,78	8,40
Rumani	460	-50,42	-36,12	4,59	-17,63	7,71	-18,37
Estonia	265	-57,53	-69,15	-24,92	-47,69	24,03	-35,05
Lithuania	175	-82,12	79,95	473,17	-71,38	171,45	114,21
Bungari	143	-60,83	-16,87	-35,99	-42,98	-10,24	-33,38
CH Síp	18	-52,43	-8,61	-95,56	7307,68	-28,33	1424,55

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

**Biểu đồ 6: Cơ cấu thị trường xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam tại EU**

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

**Về chủng loại xuất khẩu:** áo jacket, quần, áo thun là 3 chủng loại chiếm tỷ trọng lớn nhất trong kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang EU.

Trong giai đoạn 2015 – 2020, một số chủng loại hàng may mặc đạt mức tăng trưởng xuất khẩu rất cao như áo thun, quần áo bảo hộ lao động, đồ lót, quần áo trẻ em, quần short, bít tất, áo len. Ở chiều ngược lại, một số sản phẩm như áo jacket, áo sơ mi, váy, vải, áo ghile... lại có xu hướng giảm tốc độ. Đáng chú ý, do tăng trưởng xuất khẩu quần áo vest trong những năm trước tăng rất cao, nên dù giảm mạnh trong năm 2020 nhưng tốc độ tăng trưởng xuất khẩu bình quân mặt hàng này vẫn đạt 5,46%/năm trong giai đoạn này.

Tỷ trọng xuất khẩu các chủng loại hàng dệt may trong năm 2020 có sự dịch chuyển so với các năm trước khi tăng tỷ trọng các mặt hàng thông thường, tiện dụng phù hợp với môi trường làm việc trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 như áo thun, quần áo bảo hộ lao động, quần



bò, quần áo trẻ em,... và giảm xuất khẩu các mặt hàng như áo jacket, quần áo vest, quần áo bơi,... Đáng chú ý, quần áo bảo hộ lao động vươn lên là mặt hàng có tỷ



trọng kim ngạch xuất khẩu lớn thứ 4 (chiếm 7,08%) của Việt Nam sang EU trong năm 2020.

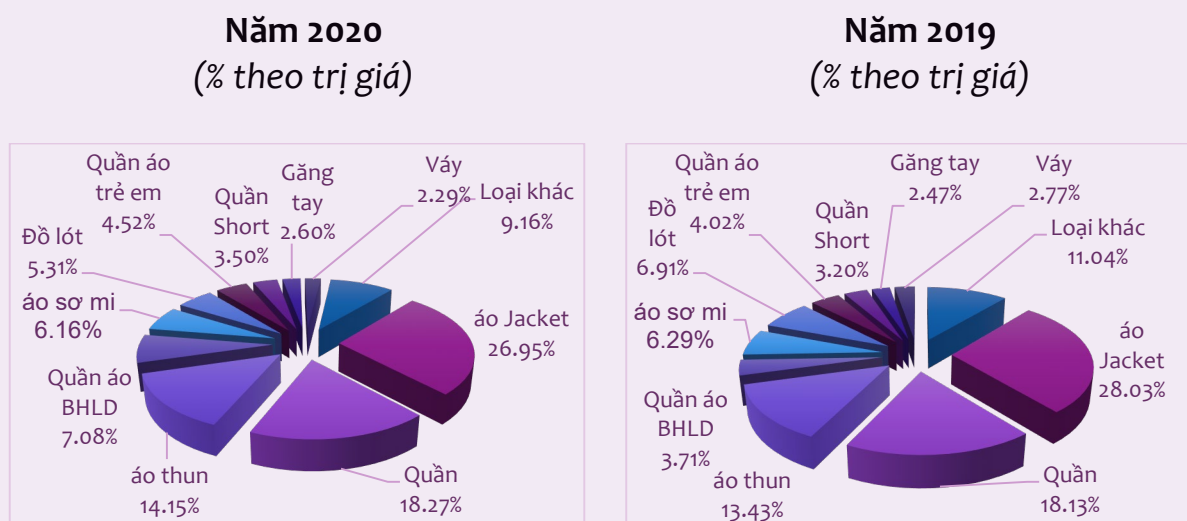
**Bảng 6: Chứng loại hàng dệt may xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang EU giai đoạn 2015 - 2020**

Chứng loại	Năm 2020 (Nghìn USD)	Tăng trưởng qua các năm (%)					Tăng trưởng bình quân 2015 – 2020 (%)
		N2020/19	N2019/18	N2018/17	N2017/16	N2016/15	
<b>Tổng</b>	<b>3.113.761</b>	<b>-12,56</b>	<b>4,61</b>	<b>10,23</b>	<b>8,20</b>	<b>2,31</b>	<b>2,56</b>
Áo Jacket	841.549	-15,38	-6,43	9,75	4,47	-1,90	-1,90
Quần	572.136	-12,38	8,61	8,25	15,33	-0,61	3,84
Áo thun	441.790	-7,30	6,47	11,51	22,97	10,91	8,91
Quần áo BHLĐ	220.950	67,97	6,58	30,42	6,62	-5,58	21,20
Áo sơ mi	192.492	-13,73	16,31	-1,54	-8,13	-8,84	-3,19
Đồ lót	165.768	-32,41	14,29	8,06	23,37	45,34	11,73
Quần áo trẻ em	141.164	-1,10	-1,52	12,96	-2,92	19,67	5,42
Quần Short	109.411	-3,58	4,73	11,59	19,11	-5,82	5,20
Găng tay	81.330	-7,17	9,76	11,91	30,73	1,87	9,42
Váy	71.403	-27,34	4,13	9,61	-2,98	12,38	-0,84
Quần áo bơi	50.855	-43,27	18,16	17,73	65,48	-9,11	9,80
Quần áo Vest	44.572	-15,53	6,13	29,62	10,83	-3,73	5,46
Bít tất	26.926	40,11	7,38	1,58	112,31	116,28	55,53
Áo len	23.853	10,40	32,13	93,53	-17,89	26,51	28,94
Hàng may mặc	22.392	-32,41	60,65	-4,39	-8,05	-5,17	2,13
Quần áo ngủ	18.004	-21,25	24,91	12,58	-40,57	31,73	1,48
Vải	15.575	-44,58	-11,55	28,84	4,33	-1,71	-4,93
Áo Ghile	13.219	-9,76	-22,46	21,91	25,10	-32,21	-3,49
Quần Jean	6.658	21,64	57,88	34,39	65,42	-54,82	24,90
Khăn bông	3.675	-6,03	43,88	-14,24	-58,25	109,08	14,89
PL may	3.483	17,40	65,29	66,24	2,72	100,75	50,48
Quần áo mưa	2.693	-35,68	13,41	44,32	1,49	37,53	12,21
Áo gió	1.382	13,55	38,84	474,13	-77,58	1704,22	430,63
Khăn	1.208	42,92	-9,96	-18,00	-19,08	27,39	4,65

Chủng loại	Năm 2020 (Nghìn USD)	Tăng trưởng qua các năm (%)					Tăng trưởng bình quân 2015 – 2020 (%)
		N2020/19	N2019/18	N2018/17	N2017/16	N2016/15	
Caravat	885	-67,69	-11,39	-18,85	-24,16	1,43	-24,13
Áo nỉ	856	-11,58	-30,27	-79,76	31,21	-38,81	-25,84
Màn	784	68,53	71,74	-63,89	26,92	28,89	26,44
Khăn bàn	488	-56,70	29,56	6,75	-11,73	-9,41	-8,31
Áo Kimono	32	-19,66	-27,27	341,99	-53,33	41,84	56,72

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

### Biểu đồ 7: Cơ cấu chủng loại hàng dệt may xuất khẩu của Việt Nam sang EU



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

### Thị phần mặt hàng của Việt Nam tại thị trường EU

Theo số liệu của ITC, năm 2020, Việt Nam là nhà cung cấp hàng may mặc lớn thứ 6 vào EU, đạt kim ngạch 3,28 tỷ USD, chiếm thị phần 4,02% trong tổng nhập khẩu của EU từ thị trường ngoại khối. Tốc độ tăng trưởng nhập khẩu hàng dệt may Việt Nam của thị trường



EU đạt trung bình 3,81%/năm trong giai đoạn 2015 – 2020; thị phần cũng liên tục được mở rộng từ 3,27% năm 2015 lên 4,02% vào năm 2020.

Qua các số liệu phân tích có thể thấy nhu cầu nhập khẩu hàng may mặc của thị trường EU rất lớn, tuy nhiên thị phần hàng dệt may của Việt Nam tại EU vẫn khiêm tốn và còn nhiều dư địa phát triển. Tuy xuất khẩu hàng may mặc sang EU trong những năm qua chứng kiến tốc độ tăng trưởng khả quan, nhưng tỷ trọng xuất khẩu dệt may vào EU trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam lại đang có xu hướng giảm. Trước Hiệp định Thương mại tự do giữa EU và Việt Nam (EVFTA), ngoại trừ Trung Quốc là “nhà cung cấp lớn” trong ngành, các thị trường khác như Bangladesh, Campuchia hay Pakistan đều có lợi thế vượt trội về ưu đãi thuế nhập khẩu so với Việt Nam khi xuất khẩu vào EU. Bangladesh được hưởng chế độ miễn thuế nhập khẩu theo chương trình EBA (*viết tắt của chương trình Everything but Arm – Miễn thuế tất cả các mặt hàng trừ vũ khí*); Pakistan cũng được miễn thuế nhập khẩu theo chương trình GSP+. Việt Nam mặc dù cũng được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan GSP<sup>4</sup> nhưng chỉ là “GSP tiêu chuẩn – Standard GSP” ở mức 9,6%. Cuộc cạnh tranh trong nhóm các nước đang phát triển xuất khẩu vào EU khá gay gắt; việc áp dụng các chế độ ưu đãi thuế quan GSP+ và EBA giúp các quốc gia được hưởng có lợi thế cạnh tranh lớn về giá.

Bên cạnh đó, EU cũng là một thị trường có yêu cầu rất cao với chất lượng, mẫu mã sản phẩm, cùng các quy định nhập khẩu và tiêu chuẩn kỹ thuật hết sức chặt chẽ; đồng thời các công cụ phòng vệ thương mại được áp dụng thường xuyên. Các vấn đề về môi trường, lao động, phát triển bền vững, trách nhiệm xã hội cũng ngày càng được chú trọng. Ngay cả khi Việt Nam có FTA với EU thì việc có thể thâm nhập và tăng thị phần tại EU hay không còn phụ thuộc vào năng lực cạnh tranh về chất lượng và giá cả, trong đó trước tiên cần đáp ứng được các tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định về xuất xứ hàng hóa để hưởng ưu đãi từ EVFTA.

<sup>4</sup> Hệ thống ưu đãi phổ cập, tên tiếng Anh là Generalized System of Preferences (viết tắt GSP)

## VI. Các nội dung cam kết liên quan trong Hiệp định EVFTA

### ❖ Cam kết về thuế quan

Cam kết về thuế quan đối với mặt hàng dệt may trong EVFTA được nêu tại:

- Lời văn của chương 2: Đối xử quốc gia và mở cửa thị trường đối với hàng hóa: Phần này bao gồm các quy tắc chung liên quan tới thuế quan, áp dụng chung cho cả EU và Việt Nam
- Các phụ lục 2-A của chương 2 – Cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan, trong đó:
  - Tiểu phụ lục 2-A-1: Biểu thuế nhập khẩu của EU
  - Tiểu phụ lục 2-A-2: Biểu thuế của Việt Nam

Cam kết thuế quan của mặt hàng trong EVFTA được thể hiện bằng các ký hiệu chữ và số đi kèm, với ý nghĩa cụ thể như sau:

<i>Ký hiệu</i>	<i>Giải thích</i>
A	Xóa bỏ thuế ngay sau khi EVFTA có hiệu lực
B3	Xóa bỏ thuế dần đều trong vòng 4 năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực
B5	Xóa bỏ thuế dần đều trong vòng 6 năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực
B7	Xóa bỏ thuế dần đều trong vòng 8 năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực

Theo đó, EU cam kết dành ưu đãi thuế nhập khẩu cho hàng dệt may Việt Nam như sau:

- Loại bỏ thuế nhập khẩu ngay khi Hiệp định có hiệu lực cho các loại nguyên phụ liệu dệt may (thuộc các Chương 50-59 Biểu thuế nhập khẩu của EU); và chỉ một số ít loại trong các nhóm sản phẩm may mặc thuộc Chương 61-62 Biểu thuế (như bộ đồ vest hoàn chỉnh, đồ ngủ nữ, áo len trẻ em, đồ bơi, chăn, rèm cửa, túi xách hoặc túi đựng bằng vải...)



- Loại bỏ thuế nhập khẩu dần từ mức thuế MFN<sup>5</sup> trung bình là 12% hiện nay xuống 0% theo lộ trình B3, B5, B7 đối với phần lớn các sản phẩm may mặc và sản phẩm tương tự thuộc các Chương 61, 62 Biểu thuế.

**Bảng 7: Lộ trình giảm thuế đối với 10 nhóm hàng xuất khẩu lớn nhất vào EU**

HS	Mô tả		GSP đang được hưởng	Lộ trình EVFTA	2020	2021	2022	2023
6201	Áo khoác ngoài, áo choàng cho nam giới hoặc trẻ em trai		9,6%	B7 (-1,5%/năm)	10,5%	9%	7,5%	6%
	trừ 6201.93	Loại khác - Từ sợi nhân tạo		B5 (-2%/năm)	10	8	6	4
6204	Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, blazer cho phụ nữ hoặc trẻ em gái		9,6%	Đa số là A (0% ngay)	0	0	0	0
	Trừ 6204.13	Bộ com lê từ sợi tổng hợp		B5 (-2%/năm)	10	8	6	4
	6204.32/33	Áo jacket/blazer từ bông/sợi tổng hợp						
	6204.39	Áo jacket/blazer từ các vật liệu dệt khác		B3 (-3%/năm)	9	6	3	0
6203	Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, blazer cho nam giới hoặc trẻ em trai		9,6%	Đa số là B5 (-2%/năm)	10	8	6	4
	trừ 6203.19	Bộ com lê từ bông/ xơ tái tạo/		A (0% ngay)	0	0	0	0

<sup>5</sup> Tối huệ quốc (Most Favoured Nation, viết tắt là MFN)

HS	Mô tả		GSP đang được hưởng	Lộ trình EVFTA	2020	2021	2022	2023
		vật liệu dệt khác						
	6203.31	Áo jacket/ blazer từ len						
	6203.49	Quần từ xơ tái tạo		B3 (-3%/năm)	9	6	3	0
	6203.11/12	Bộ com lê từ len/ sợi tổng hợp		B7 (-1,5%/năm)	10,5	9	7,5	6
6202	Áo khoác ngoài, áo choàng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái		9,6%	Đa số B7	10,5	9	7,5	6
	trừ 02.12.90/ 6202.13.90	từ bông/sợi nhân tạo có trọng lượng trên 1kg tính trên quần áo		B5 (-2%/năm)	10	8	6	4
6109	Áo phông, áo may ô và các loại áo lót khác, dệt kim hoặc móc		9,6%	B5 (-2%/năm)	10	8	6	4
6110	Áo bó, áo chui đầu, áo cài khuy (cardigan), gi-lê và các mặt hàng tương tự, dệt kim hoặc móc		9,6%	B5 (-2%/năm)	10	8	6	4
6104	Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, blazers cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, dệt kim hoặc móc		9,6%	Đa số là A	0	0	0	0
	trừ 6104.43	Váy từ sợi tổng hợp		B3 (-3%/năm)	9	6	3	0

HS	Mô tả		GSP đang được hưởng	Lộ trình EVFTA	2020	2021	2022	2023
	6104.63	Quần dài từ sợi tổng hợp						
	6104.33	Áo Jacket/blazer từ sợi tổng hợp		B5 (-2%/năm)	10	8	6	4
	6104.53	Chân váy từ sợi tổng hợp						
6210	Quần áo may từ các loại vải thuộc nhóm 5602, 5603, 5903, 5906 hoặc 5907		9,6%	B5 (-2%/năm)	10	8	6	4
6307	Các mặt hàng đã hoàn thiện khác, kể cả mẫu cắt may		5-9,6%	A (0% ngay)	0	0	0	0
6205	Áo sơ mi nam giới hoặc trẻ em trai		9,6%	Đa số B7	10,5	9	7,5	6
	trừ 6205.20	từ bông		B5 (-2%/năm)	10	8	6	4

#### ❖ Cam kết về quy tắc xuất xứ

Chương 4 EVFTA quy định về các điều kiện quy tắc xuất xứ mà hàng hóa phải tuân thủ để được hưởng ưu đãi thuế quan.

Trong EVFTA, đối với sản phẩm dệt may, ngoài các quy tắc xuất xứ chung (tương tự như với tất cả các hàng hóa khác) thì còn có quy tắc riêng cho nhóm sản phẩm này (áp dụng cho trường hợp sản phẩm sử dụng một phần nguyên liệu không xuất xứ).

Quy tắc xuất xứ (QTX) phổ biến đối với sản phẩm dệt may trong EVFTA là **tiêu chí hai công đoạn, hay còn gọi là “từ vải trở đi”**.

Cụ thể, để sản phẩm may mặc được coi là có xuất xứ theo EVFTA thì:

- Vải sử dụng để tạo thành sản phẩm phải có xuất xứ Việt Nam/EU và
- Việc cắt, may phải được thực hiện tại Việt Nam/EU

Tuy nhiên, EVFTA có cam kết linh hoạt về **quy tắc xuất xứ cộng gộp với các nước đối tác FTA chung của Việt Nam và EU**, theo đó:

- Cho phép vải có xuất xứ Hàn Quốc( nước duy nhất hiện có cả FTA với Việt Nam và EU) được coi như có xuất xứ theo EVFTA để sản xuất ra sản phẩm dệt may xuất khẩu đi EU và được hưởng thuế suất ưu đãi EVFTA.

Nhìn chung, quy tắc xuất xứ trong EVFTA đối với dệt may vẫn được xem là rất khó khăn cho doanh nghiệp Việt Nam bởi:

- Phần lớn các doanh nghiệp mới chỉ đang thực hiện công đoạn cắt - may
- Vải nguyên liệu sử dụng để sản xuất chủ yếu được nhập khẩu từ các khu vực chưa có FTA với EU (Trung Quốc, Đài Loan)

Như vậy, để tận dụng các ưu đãi thuế quan trong EVFTA về dệt may, Việt Nam cần:

- Chú trọng phát triển ngành công nghiệp dệt và công nghiệp phụ trợ dệt may để đáp ứng được yêu cầu chặt về quy tắc xuất xứ trong EVFTA
- Tận dụng ngoại lệ về vải xuất xứ Hàn Quốc

#### ❖ Cam kết về chứng nhận xuất xứ

Quy định về thủ tục chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong EVFTA được áp dụng chung cho tất cả các loại hàng hóa, trong đó có sản phẩm dệt may.

EVFTA quy định 02 loại thủ tục chứng nhận xuất xứ khác nhau, gồm:

- **Thủ tục cấp giấy chứng nhận xuất xứ:** Cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp Giấy chứng nhận xuất xứ dựa trên các giấy tờ mà nhà xuất khẩu xuất trình;



- **Thủ tục tự chứng nhận xuất xứ:** Nhà xuất khẩu tự phát hành chứng nhận xuất xứ cho hàng hóa của mình.

EVFTA chỉ cho phép nhà xuất khẩu tự chứng nhận xuất xứ. Mô hình tự chứng nhận xuất xứ trong EVFTA dựa trên thông lệ cho phép nhà xuất khẩu tự chứng nhận xuất xứ mà EU hiện đang áp dụng. Cụ thể, cơ chế tự chứng nhận xuất xứ của nhà xuất khẩu của EVFTA cho phép nhà xuất khẩu tự chứng nhận xuất xứ trên hóa đơn, phiếu giao hàng hay bất kỳ chứng từ thương mại nào, thay vì phải xin giấy chứng nhận xuất xứ từ các cơ quan chức năng.

Đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam, Việt Nam áp dụng cả cơ chế cấp Giấy chứng nhận xuất xứ và tự chứng nhận xuất xứ, cụ thể:

- Với lô hàng có trị giá không vượt quá 6.000 euro, bất kỳ nhà xuất khẩu nào của Việt Nam cũng có thể tự chứng nhận xuất xứ;
- Với lô hàng có trị giá trên 6.000 , Việt Nam bảo lưu vẫn tiếp tục áp dụng cơ chế chứng nhận xuất xứ truyền thống.

Cụ thể, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận xuất xứ cho nhà xuất khẩu sau khi xác nhận các giấy tờ chứng minh mà nhà xuất khẩu xuất trình - đối với EVFTA Giấy chứng nhận xuất xứ là Mẫu EUR.1.

Việt Nam có thể lựa chọn áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ khi nào thấy thích hợp và sẽ thông báo cho phía EU trước khi thực hiện cơ chế này.

Doanh nghiệp cần tìm hiểu kỹ **Thông tư số 11/2020/TT-BCT**<sup>6</sup> của Bộ Công Thương quy định về quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định EVFTA và hỗ trợ thương nhân xuất khẩu hàng hóa nhằm tận dụng ưu đãi EVFTA.

---

6

[http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=1&mode=detail&document\\_id=200377](http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=200377)

Như vậy, đối với các lô hàng có giá trị không vượt quá 6.000 euro xuất khẩu đi EU theo diện hưởng ưu đãi thuế quan EVFTA, bất kỳ nhà xuất khẩu nào của Việt Nam cũng đều có thể tự chứng nhận xuất xứ. Còn đối với các lô hàng có giá trị trên 6.000 euro thì hiện tại Việt Nam vẫn áp dụng cơ chế cấp chứng nhận xuất xứ, theo đó nhà xuất khẩu phải xin giấy chứng nhận xuất xứ (mẫu EUR.1) tại cơ quan có thẩm quyền (Bộ Công Thương và các đơn vị do Bộ Công Thương ủy quyền).

### **Cơ chế chứng nhận xuất xứ mà Việt Nam áp dụng cho EVFTA**

Theo EVFTA và quy định của EU, trong khoảng thời gian 2 năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực (01/08/2020), doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa sang EU vẫn có thể lựa chọn áp dụng thuế ưu đãi theo EVFTA hoặc thuế ưu đãi theo GSP với điều kiện áp dụng ưu đãi loại nào thì phải tuân thủ QTTX của loại đó và theo thủ tục chứng nhận xuất xứ tương ứng. Cụ thể:

- Nếu muốn hàng xuất khẩu hưởng thuế suất ưu đãi EVFTA thì nhà xuất khẩu Việt Nam phải xin C/O mẫu EUR.1 tại các đơn vị của Bộ Công Thương;
- Nếu muốn hàng xuất khẩu hưởng thuế ưu đãi GSP thì nhà xuất khẩu Việt Nam phải chứng nhận xuất xứ theo cơ chế của GSP mà hiện tại đang chuyển sang hình thức tự chứng nhận xuất xứ bằng cách đăng ký mã số REX.

### **Giấy chứng nhận xuất xứ cho hàng Việt Nam xuất khẩu sang EU**

#### **Mẫu Giấy chứng nhận xuất xứ EVFTA**

Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) EVFTA có mẫu EUR.1, theo quy định trong EVFTA, mẫu này áp dụng chung cho cả hàng hóa xuất khẩu từ EU và Việt Nam. Tuy nhiên, do EU không áp dụng cơ chế cấp chứng nhận xuất xứ bởi cơ quan có thẩm quyền, mà áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ bởi nhà xuất khẩu có đăng ký

(hệ thống REX), mẫu EUR.1 trên thực tế chỉ áp dụng đối với hàng xuất khẩu từ Việt Nam đi EU.

Mẫu EUR.1 được quy định tại Phụ lục VII, Nghị định thư 1 EVFTA. Thông tin khai báo trên mẫu EUR.1 được cho là đơn giản hơn so với mẫu C/O trong các FTA mà Việt Nam đã ký kết:

- Một số thông tin nhà xuất khẩu được phép lựa chọn khai báo hoặc không khai báo trên C/O mẫu EUR.1 (ví dụ nhà nhập khẩu, hành trình lô hàng, số hóa đơn thương mại...);
- Một số thông tin không bắt buộc thể hiện trên mẫu EUR.1 (như tiêu chí xuất xứ, mã số HS của hàng hóa...). Đây là một điểm khác so với các mẫu C/O theo các FTA khác của Việt Nam (các FTA này đều yêu cầu khai mã HS và tiêu chí xuất xứ của hàng hóa).

**Thời hạn hiệu lực của C/O EUR.1 là 12 tháng kể từ ngày phát hành.**

#### **Thời điểm cấp C/O mẫu EUR.1**

Đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam sang EU, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam sẽ cấp C/O mẫu EUR.1 sớm nhất có thể từ ngày xuất khẩu hàng hóa (ngày tàu chạy theo kê khai) và không quá ba ngày làm việc kể từ sau ngày này.

Giấy Chứng nhận xuất xứ hàng hóa có thể được cấp sau khi xuất khẩu nhưng chỉ trong một số trường hợp như quy định cụ thể tại Điều 17 Nghị định thư. Giấy này có thể được cấp lại trong trường hợp bị mất, thất lạc hoặc hư hỏng

#### **Thời điểm nộp C/O**

EVFTA không có quy định cụ thể về thời điểm nộp C/O EVFTA, mà cho phép từng Bên (Việt Nam/EU) quy định phụ hợp theo pháp luật của mình. Đối với hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang EU: **EU cho phép nộp C/O cho cơ quan hải quan của**

**EU để hưởng ưu đãi thuế quan sau thời điểm nhập khẩu hàng hóa vào EU. Theo thông tin từ phía EU thì thời hạn cho phép nộp sau này ít nhất là 2 năm.**

**Phụ lục VIII**  
**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ EUR 1**  
*(ban hành kèm theo Thông tư số...../TT-BCT ngày ...tháng ...năm 2020*  
*của Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định EVFTA)*

MOVEMENT CERTIFICATE			
1. Exporter (Name, full address, country)	EUR.1 No		
	See notes overleaf before completing this form.		
	2. Certificate used in preferential trade between European Union		
	and		
	Socialist Republic of Viet Nam		
3. Consignee (Name, full address, country) (Optional)	4. Country, group of countries or territory in which the products are considered as originating	5. Country, group of countries or territory of destination	
6. Transport details (Optional)	7. Remarks		
8. Item number; Marks and numbers; Number and kind of packages <sup>(1)</sup> ; Description of goods	9. Gross mass (kg) or other measure (litres, m <sup>3</sup> , etc.)	10. Invoices (Optional)	
<sup>(1)</sup> If goods are not packed, indicate number of articles or state "in bulk" as appropriate.			
11. CUSTOMS OFFICE (EU) or ISSUING AUTHORITIES (VN) ENDORSEMENT <i>Declaration certified</i> Export document <sup>(2)</sup> Form ..... No ..... Of ..... Customs office/Issuing authority ..... Issuing country or territory ..... Stamp ..... ..... Place and date ..... ..... (Signature)	12. DECLARATION BY THE EXPORTER I, the undersigned, declare that the goods described above meet the conditions required for the issue of this certificate. Place and date ..... ..... (Signature)		
<sup>(2)</sup> Complete only where the regulations of the exporting country or territory require.			



### ❖ Cam kết chung về hàng rào kỹ thuật (TBT)

EVFTA chủ yếu bao gồm các cam kết chung hợp tác, minh bạch hóa trong lĩnh vực hàng rào kỹ thuật (TBT). Về cơ bản, khi EVFTA có hiệu lực, EU và Việt Nam vẫn sẽ tiếp tục chủ động trong việc áp dụng các biện pháp TBT đối với hàng nhập khẩu như hiện tại. Doanh nghiệp xuất khẩu vẫn sẽ phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của bên nhập khẩu như trước đây.

### ❖ Cam kết chung về sở hữu trí tuệ (SHTT)

Các cam kết EVFTA về thực thi SHTT đáng chú ý là các cam kết liên quan đến việc thực thi các biện pháp dân sự. So với pháp luật Việt Nam, EVFTA có một số cam kết mới như sau:

Về các biện pháp khẩn cấp tạm thời áp dụng để ngăn chặn kịp thời hành vi xâm phạm: EVFTA đòi hỏi phải cho chủ sở hữu quyền yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp này vào bất kỳ thời điểm nào (mà không chỉ là khi hoặc sau khi đã khởi kiện vụ việc dân sự tại Tòa án), thậm chí trong trường hợp nghiêm trọng có thể áp dụng mà không cần thông báo cho bên bị áp dụng biện pháp; EVFTA cũng mở rộng các tình huống/trường hợp cho phép yêu cầu biện pháp tạm thời;

Về nghĩa vụ cung cấp bằng chứng Toa minh xâm phạm: EVFTA có quy định cụ thể về các trường hợp Tòa án được quyền yêu cầu bên bị đơn cung cấp các bằng chứng xâm phạm mà mình đang kiểm soát; thậm chí với các hành vi xâm phạm ở quy mô thương mại, theo yêu cầu của một bên, Tòa án còn có quyền yêu cầu bên kia cung cấp tài liệu giao dịch ngân hàng, tài chính hoặc thương mại thuộc kiểm soát của bên kia (với điều kiện thông tin bí mật kinh doanh phải được bảo vệ);

Về quyền yêu cầu cung cấp thông tin: EVFTA yêu cầu Tòa án có quyền yêu cầu người xâm phạm, người bị nghi ngờ xâm phạm, hoặc bất kỳ người nào khác, phải cung cấp thông tin mà người đó đang nắm giữ hoặc kiểm soát (kể cả đối với các tổ chức, cá nhân không trực tiếp xâm phạm, ví dụ người làm dịch vụ lưu giữ, vận chuyển, quản lý hàng hóa xâm phạm...). Thông tin phải cung cấp có thể là

thông tin liên quan tới người xâm phạm, tới phương tiện sản xuất, phân phối hàng hóa, dịch vụ xâm phạm;

Về quyền của Tòa án với các hành vi xâm phạm sau phán quyết: EVFTA yêu cầu Tòa án, sau khi đã có phán quyết xác định một hành vi là xâm phạm SHTT, phải được trao quyền ban hành các lệnh cấm đối với các hành vi xâm phạm tương tự sau đó với người xâm phạm và cả người cung cấp dịch vụ cho người xâm phạm (trong khi theo pháp luật hiện hành thì Tòa án sẽ phải xét xử lại từng hành vi này và ban hành lệnh cưỡng chế sau khi xét xử);

Về các biện pháp xử lý thay thế: EVFTA khuyến nghị Việt Nam cho phép áp dụng biện pháp bồi thường bằng tiền để thay thế cho các biện pháp chế tài khác (hành chính, hình sự...) nếu xâm phạm là không cố ý, do sơ suất và khoản bồi thường là thỏa đáng;

Về việc xác định thiệt hại làm cơ sở để bồi thường: EVFTA khuyến khích phân biệt cách xác định thiệt hại trong trường hợp người xâm phạm biết hoặc có cơ sở để biết về việc mình đang xâm phạm và trường hợp người xâm phạm không biết rằng mình đang xâm phạm (hiện Việt Nam chưa phân biệt hai trường hợp này); có thể xác định khoản bồi thường là một khoản cố định nếu thích hợp;

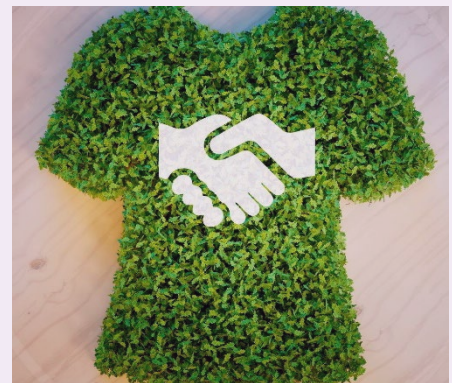
Về nguyên tắc suy đoán chủ thể quyền tác giả trong tố tụng về SHTT: EVFTA đặt ra quy tắc về suy đoán quyền, theo đó trừ khi có chứng cứ ngược lại, người có tên trên tác phẩm sẽ được suy đoán là tác giả;

Về sự tham gia của cơ quan hải quan trong thực thi quyền SHTT tại biên giới: EVFTA yêu cầu cơ quan hải quan phải (i) tham gia tích cực vào việc ngăn chặn xâm phạm SHTT (chủ động sử dụng kỹ thuật phân tích rủi ro để phát hiện, xác định hàng hóa xuất nhập khẩu xâm phạm SHTT, dừng thông quan hàng hóa nghi ngờ xâm phạm...), (ii) hợp tác với chủ sở hữu quyền để thực hiện thực thi quyền SHTT tại biên giới (cho phép cung cấp thông tin để phân tích rủi ro).

Khi EVFTA có hiệu lực, cùng với CPTPP, hệ thống pháp luật về thực thi SHTT của Việt Nam sẽ buộc phải thay đổi theo các cam kết trong hai FTA này, với những yêu cầu chi tiết và cụ thể trong quá trình thực thi. Do đó, doanh nghiệp và người dân sử dụng các sản phẩm được bảo hộ SHTT cần thay đổi nhận thức và hành vi tương ứng, để tránh việc vi phạm và chịu hình thức xử phạt về SHTT.

### ❖ Cam kết chung về phát triển bền vững

Trong EVFTA, vấn đề phát triển bền vững được đưa vào thành một Chương riêng, **Chương 13 - Thương mại và phát triển bền vững**. Các khía cạnh phát triển bền vững mà EVFTA có cam kết trong Chương 13 gồm:



- Lao động;
- Môi trường (trong đó có biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học, quản lý rừng bền vững, quản lý nguồn tài nguyên sinh vật biển...);
- Các khía cạnh khác liên quan (ví dụ năng lượng tái tạo, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, bảo trợ xã hội đối với các nhóm yếu thế...).

Về phạm vi, trong so sánh với CPTPP, các cam kết về phát triển bền vững của EVFTA được đánh giá là rộng hơn, bao trùm nhiều vấn đề hơn.

Về nội dung, các cam kết EVFTA về phát triển bền vững không bao gồm các tiêu chuẩn chi tiết, cụ thể mà chủ yếu là các cam kết chung về nguyên tắc ràng buộc về hướng phát triển và cam kết có tính khuyến nghị.

## **Cam kết về pháp luật nội địa liên quan đến phát triển bền vững**

EVFTA không đặt ra các tiêu chuẩn cụ thể mà pháp luật nội địa phải quy định về môi trường, lao động hay các vấn đề phát triển bền vững khác mà các bên phải tuân thủ. Ngược lại, EVFTA vẫn ghi nhận quyền của mỗi Bên trong việc:

- Quyết định các mục tiêu, chiến lược, chính sách và ưu tiên phát triển bền vững của mình;
- Thiết lập mức độ bảo vệ môi trường, xã hội phù hợp với bối cảnh của mình.

Tuy nhiên, trong quá trình ban hành và thực thi chính sách, pháp luật về phát triển bền vững, Việt Nam và EU cũng phải bảo đảm:

- Phù hợp với các tiêu chuẩn đã được quốc tế công nhận, và các hiệp định về lao động, môi trường mà mình là thành viên;
- Quy định và khuyến khích mức độ bảo vệ cao về môi trường và xã hội, đồng thời tiếp tục nỗ lực cải thiện các quy định luật pháp và chính sách đó.

Về mức độ bảo hộ về môi trường và lao động, EVFTA có những yêu cầu nhất định đối với cách thức ban hành và thực thi các chính sách, pháp luật môi trường và lao động nội địa. Cụ thể, EVFTA yêu cầu Việt Nam và EU:

- Không làm suy yếu (giảm) mức độ bảo vệ môi trường và lao động theo cách gây bất lợi cho mục tiêu của Chương này;
- Không khuyến khích thương mại và đầu tư thông qua việc làm suy yếu mức độ bảo vệ luật pháp môi trường và lao động nội địa;
- Không giảm nhẹ hiệu lực pháp lý hoặc miễn trừ các quy định luật pháp về môi trường và lao động theo cách làm ảnh hưởng đến thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và EU nhưng cũng không được bỏ qua việc thực thi hiệu quả pháp luật môi trường và lao động để khuyến khích thương mại và đầu tư;
- Không áp dụng pháp luật môi trường và lao động một cách phân biệt đối xử tùy tiện và vô lý hoặc để hạn chế thương mại một cách trá hình.



## V. Thông tin chính sách, quy định liên quan của EU

### ❖ Quy định về an toàn sản phẩm

Mọi sản phẩm lưu hành tại châu Âu phải đảm bảo tuân thủ các quy định trong Chỉ thị chung về An toàn sản phẩm (Product Safety Directive) số 2001/95/EC<sup>7</sup>, ngày 03/12/2001.

Một số sản phẩm dệt may cụ thể có áp dụng các yêu cầu an toàn riêng. Nếu sản phẩm của doanh nghiệp bị coi là không an toàn sẽ bị từ chối hoặc rút khỏi thị trường châu Âu.

### ❖ Quy định REACH

REACH (Registration, Evaluation, Authorisation and Restriction of Chemicals) là quy định về an toàn của EU liên quan đến thủ tục đăng ký, đánh giá, cấp phép và hạn chế sử dụng các loại hóa chất; trong đó có liên quan đến sản phẩm dệt may, da giày và phụ kiện.



Châu Âu áp dụng Quy định pháp lý phổ biến nhất cho các sản phẩm may mặc xuất khẩu sang EU – Quy định REACH (EC) số 1907/2006<sup>8</sup> ngày 18/12/2006, cập nhật ngày 01/10/2021.

REACH đảm bảo an toàn sức khỏe cho con người và môi trường ở mức cao bằng cách áp dụng các phương pháp đánh giá độ nguy hại của các chất mà không ảnh hưởng đến lưu thông hóa chất trong thị trường EU. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, sử dụng hóa chất phải đảm bảo các hóa chất đó không gây hại cho con người và môi trường. Việc sử dụng các hóa chất trong may mặc bị hạn chế bởi các giới hạn về lượng (mg hoặc kg) hoặc bị cấm hoàn toàn.

<sup>7</sup> Chỉ thị chung về An toàn Sản phẩm (General product safety directive - GPSD) 2001/95/EC:  
<http://data.europa.eu/eli/dir/2001/95/2010-01-01>

<sup>8</sup> Quy định REACH: <http://data.europa.eu/eli/reg/2006/1907/2021-10-01>

Để đáp ứng được các yêu cầu về REACH, các doanh nghiệp có hàng hóa xuất khẩu vào EU phải nâng cấp hệ thống quản lý đối với các chất hóa học trong sản xuất. Theo quy định này thì bắt buộc các nhà sản xuất và nhập khẩu phải đăng ký tất cả các chất họ sản xuất hay nhập khẩu vào EU với số lượng trên 1 tấn/ năm. Thủ tục đăng ký này tại Cơ quan Quản lý Hóa chất châu Âu (European Chemicals Agency - ECHA).

Danh sách các chất hoá học bị cấm sử dụng bởi REACH:

<https://echa.europa.eu/substances-restricted-under-reach>

Quy định này cấm việc sử dụng nhiều loại hóa chất trong quần áo (vải và đồ trang trí). Các hóa chất bị cấm mà đôi khi các doanh nghiệp vẫn sử dụng trong may mặc là:

- Một số loại thuốc nhuộm Azo (Azodyes)<sup>9</sup>
- Chất chống cháy;
- Hóa chất chống thấm và chống ố ;
- Niken<sup>10</sup> (trong đồ trang trí và phụ kiện kim loại);
- Chromium VI<sup>11</sup> trong da thuộc;
- Các hợp chất hữu cơ (Organostannic compounds, đặc biệt là các bộ phận làm bằng polyvinyl clorua - PVC): Các hợp chất organotin, các hợp chất Dioctyltin (DOT) và các hợp chất Dibutyltin (DBT) có thể được sử dụng trong hàng dệt, ví dụ như trong vải có hoa văn in ấn. Tuy nhiên, việc sử dụng chúng

<sup>9</sup>[https://webgate.ec.europa.eu/reqs/public/v1/requirement/auxi/eu/eu\\_cherest\\_appendix8\\_annexXVII\\_r1907\\_2006.pdf/](https://webgate.ec.europa.eu/reqs/public/v1/requirement/auxi/eu/eu_cherest_appendix8_annexXVII_r1907_2006.pdf/)

<sup>10</sup> Các bộ phận và phụ kiện kim loại (chẳng hạn như khóa kéo hoặc nút) tiếp xúc trực tiếp và lâu dài với da không được giải phóng quá 0,5 µg / cm<sup>2</sup> niken mỗi tuần. Chi tiết được đề cập trong Phụ lục 17 của Quy định REACH (EC) số 1907/2006 ngày 18/12/2006:

[https://webgate.ec.europa.eu/reqs/public/v1/requirement/auxi/eu/eu\\_cherest\\_entry27\\_annexXVII\\_r1907\\_2006.pdf/](https://webgate.ec.europa.eu/reqs/public/v1/requirement/auxi/eu/eu_cherest_entry27_annexXVII_r1907_2006.pdf/)  
11

[https://webgate.ec.europa.eu/reqs/public/v1/requirement/auxi/eu/eu\\_chetext\\_entry47\\_annexXVII\\_r1907\\_2006.pdf/](https://webgate.ec.europa.eu/reqs/public/v1/requirement/auxi/eu/eu_chetext_entry47_annexXVII_r1907_2006.pdf/)

bị hạn chế vì chúng có thể gây nguy hiểm cho sức khỏe con người, ức chế hệ thống miễn dịch hoặc gây hại cho sinh sản.

- Perfluorooctane sulphonate (PFOS) là một chất được sử dụng để làm cho da (và hàng dệt may) có khả năng chống nước và bụi bẩn. Nó là một chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP) và việc sử dụng nó bị hạn chế ở Châu Âu theo Quy định (EC) số 2019/1021<sup>12</sup> ngày 20/06/2019.
- Quy định EU số 2019/1021, ngày 20/6/2019 cũng cấm các chất ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trong các sản phẩm dệt may như Tetrabromodiphenyl ether, Pentabromodiphenyl ether...
- Chất diệt khuẩn (Biocides): Nếu sản phẩm có chất diệt khuẩn để bảo vệ con người, động vật, vật liệu chống lại các sinh vật có hại như sâu bọ hoặc vi khuẩn, doanh nghiệp phải tuân thủ Quy định 528/2012<sup>13</sup> ngày 22/05/2012 về sản phẩm diệt khuẩn (Biocidal Product Regulations - BPR) của EU cũng như REACH.
- Các hợp chất hữu cơ bền: Việc sử dụng các hợp chất hữu cơ bền (POPs) cũng bị cấm, mặc dù trong đa số trường hợp không được quy định trong REACH mà được quy định trong Công ước Stockholm (Quy định EU số 2019/1021). POPs đôi khi được sử dụng để làm vải chống nước hoặc chống cháy, hoặc trong công đoạn cuối cùng trong quá trình sản xuất da.

Tại một số nước EU có quy định quốc gia bổ sung về các hóa chất cụ thể. Ví dụ: Áo, Phần Lan, Đức, Na Uy và Hà Lan có các quy định cụ thể đối với formaldehyde trong hàng dệt may; Áo, Đan Mạch, Đức và Hà Lan cũng có các quy định cụ thể đối với Pentachlorophenol (PCP); trong khi Đức cũng có các quy định về phân tán thuốc nhuộm trong dệt may; Thụy Sĩ có quy định riêng về hóa chất (ORRChem).

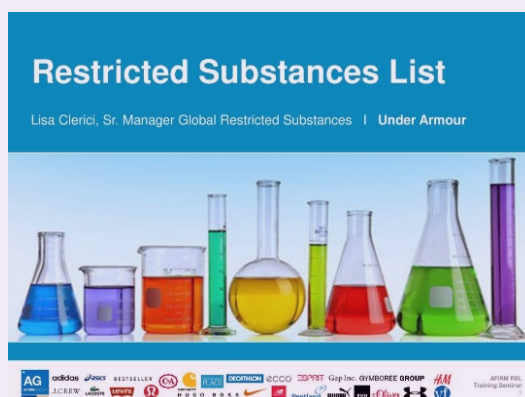
<sup>12</sup> Quy định 2019/1021 ngày 20/06/2019: <http://data.europa.eu/eli/reg/2019/1021/oj>

<sup>13</sup> Quy định (EU) 528/2012 ngày 22/05/2012 về việc sử dụng sản phẩm diệt khuẩn: <http://data.europa.eu/eli/reg/2012/528/oj>

Người nhập hàng/mua hàng tại châu Âu sẽ yêu cầu bằng chứng rằng sản phẩm của doanh nghiệp thực sự tuân thủ REACH. Bất kỳ nhà cung cấp uy tín nào về sợi, thuốc nhuộm, vải và da, nhãn, bản in, đồ trang trí và phụ kiện đều có thể cho doanh nghiệp xem báo cáo thử nghiệm, chứng chỉ tuân thủ REACH hoặc tuyên bố tuân thủ REACH cho các hóa chất mà họ đã sử dụng.

### ❖ Danh sách các chất hoá học bị hạn chế sử dụng (RSL)

Bên cạnh REACH, nhiều thương hiệu thời trang và nhà bán lẻ đã xây dựng danh sách các chất bị hạn chế (RSL - Restricted Substances List) của riêng họ, nghiêm ngặt hơn REACH. Sản phẩm của doanh nghiệp cần tuân thủ các RSL dành riêng cho người mua này nếu doanh nghiệp muốn kinh doanh với các thương hiệu thời trang và nhà bán lẻ trên.



RSL dành riêng cho người mua thường được lấy cảm hứng từ hướng dẫn Không xả thải hóa chất nguy hiểm (*Zero Discharge of Hazardous Chemicals - ZDHC*) về việc sử dụng hóa chất an toàn. ZDHC là một nền tảng ra đời từ chiến dịch ‘Detox my fashion’ năm 2011 của Greenpeace, nhằm mục đích hướng tới các thực hành quản lý hóa chất an toàn hơn trong ngành may mặc.

Hướng dẫn tuân thủ ZDHC: <https://www.roadmaptozero.com/input#CG>

### ❖ Quy định về tính bắt lửa của sản phẩm (Flammability)

EU không có yêu cầu pháp lý cụ thể nào liên quan đến tính dễ bắt lửa của quần áo, nhưng một số quốc gia riêng lẻ thì có, ví dụ như Hà Lan<sup>14</sup>. Nếu doanh

<sup>14</sup> Quy định về tính an toàn liên quan tới lửa đối với mặt hàng dệt may của Hà Lan: <https://business.gov.nl/regulation/fire-safe-clothing/>



nghiệp sử dụng hóa chất chống cháy trong quần áo của mình, hãy lưu ý rằng doanh nghiệp cần tuân thủ quy định REACH về việc sử dụng hóa chất.

### ❖ Dấu CE

Một sản phẩm được gắn nhãn CE đồng nghĩa với việc nó có thể lưu thông tự do trong thị trường châu Âu, được pháp luật của EU công nhận. Khi một sản phẩm có dấu CE có nghĩa là sản phẩm đó đáp ứng được các yêu cầu về an toàn, sức khỏe, và bảo vệ môi trường của EU.



Thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE) như quần áo bảo hộ hay găng tay, cần phải tuân thủ theo tiêu chuẩn an toàn của EU về thiết kế, sản xuất, sử dụng vật liệu, thử nghiệm và hướng dẫn sử dụng liên quan đến PPE. Việc gắn nhãn CE vào các sản phẩm là dấu hiệu cho biết sản phẩm phù hợp với các tiêu chuẩn an toàn cũng như hướng dẫn Blue Guide về việc phê duyệt chất lượng đối với các sản phẩm gắn nhãn CE.

Quy định (EC) 2016/425 ngày 09/03/2016<sup>15</sup> về thiết kế thiết bị bảo hộ.

### ❖ Công ước CITES

Công ước CITES<sup>16</sup> là Công ước năm 1973 về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp. Các biện pháp quản lý động vật hoang dã ở EU dựa trên Công ước này nhằm đảm bảo rằng hoạt động buôn bán quốc tế đối với các loài động vật và thực vật này không phải là mối đe dọa đối với việc bảo tồn chúng.

<sup>15</sup> <http://data.europa.eu/eli/reg/2016/425/oj>

<sup>16</sup> <https://cites.org/eng>

Một số động thực vật được loại trừ hoàn toàn trong việc sử dụng đối với ngành may mặc; một số khác bị hạn chế nhập khẩu. Đọc thêm về Quy định EC số 338/97<sup>17</sup>, ngày 09/12/1996 về bảo vệ động vật hoang dã, dựa trên Công ước CITES.

Cấm nhập khẩu các sản phẩm làm từ bộ phận da, lông hoặc da thú thô của con hải cẩu theo Quy định EC số 1007/2009<sup>18</sup>, ngày 16/9/2009.



#### ❖ Giới hạn chất lượng ở mức chấp nhận (AQL)

Để đảm bảo chất lượng sản phẩm, người mua có thể đặt ra giới hạn về mức chất lượng có thể được chấp nhận (Acceptable Quality Limit - AQL). Chẳng hạn: AQL 2.5 có nghĩa là người mua sẽ từ chối một lô hàng nếu hơn 2,5% tổng số lượng đặt hàng trong một số lần sản xuất bị lỗi. Khách hàng cũng đặt tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm xác định mức độ của các tiêu chuẩn vật lý như: độ vón xơ trên mặt vải, độ bền màu, lực xé, độ co dãn.

#### ❖ Ghi nhãn sản phẩm

Các sản phẩm dệt may phải được dán nhãn, đánh dấu hoặc kèm theo các tài liệu thương mại tuân thủ Quy định EC/1007/2011 ngày 27/09/2011, cập nhật ngày

<sup>17</sup> Quy định EC số 338/97: <http://data.europa.eu/eli/reg/1997/338/2020-01-01>

<sup>18</sup> Quy định EC số 1007/2009 ngày 16/09/2009: <http://data.europa.eu/eli/reg/2009/1007/2015-10-18>

15/02/2018<sup>19</sup>. Việc giám sát và kiểm tra xem thành phần của sản phẩm dệt may có phù hợp với thông tin được cung cấp trên nhãn hay không có thể diễn ra ở bất kỳ giai đoạn nào của chuỗi tiếp thị (ví dụ như thông quan, nhà phân phối kho, nhà bán buôn hoặc cửa hàng bán lẻ).



## Yêu cầu chung

Khi đưa một sản phẩm dệt may ra thị trường, nhà sản xuất, nhà phân phối hoặc nhà nhập khẩu phải đảm bảo cung cấp nhãn hoặc nhãn hiệu chỉ ra thành phần sợi của sản phẩm. Thông tin phải chính xác, không gây hiểu nhầm và dễ hiểu.

Nhãn (label) hoặc biểu tượng đánh dấu (mark) phải bền, dễ đọc, dễ nhìn, dễ tiếp cận và trong trường hợp nhãn phải được gắn một cách an toàn. Bên cạnh đó, nhãn dán sẽ được cung cấp bằng ngôn ngữ chính thức hoặc các ngôn ngữ của quốc gia nơi sản phẩm được cung cấp cho người tiêu dùng.

Thông tin được cung cấp trên nhãn không được chứa chữ viết tắt, ngoại trừ các mã xử lý cơ giới hóa, hoặc chữ viết tắt được định nghĩa trong các tiêu chuẩn quốc tế.

<sup>19</sup> Quy định EC/1007/2011 ngày 27/09/2011, cập nhật ngày 15/02/2018: <http://data.europa.eu/eli/reg/2011/1007/2018-02-15>

Đối với các sản phẩm dệt được liệt kê trong Phụ lục V<sup>20</sup> của Quy định EC/1007/2011, việc ghi nhãn hoặc đánh dấu có tên hoặc thành phần sợi là không bắt buộc.

### **Yêu cầu cụ thể**

Chỉ các sản phẩm được dệt, may từ cùng một loại sợi mới có thể được dán nhãn hoặc đánh dấu là “100%”, “nguyên chất” hoặc “tất cả”. Các sản phẩm dệt đa sợi phải được đánh dấu bằng tên và tỷ lệ phần trăm theo trọng lượng của tất cả các sợi cấu thành. Phụ lục I<sup>21</sup> trong Quy định EC/1007/2011 ngày 27/09/2011 liệt kê các loại sợi dệt. Các loại sợi không có tên trong Phụ lục I này và các loại sợi chiếm ít hơn 5% tổng trọng lượng có thể ghi là “sợi khác”. Sản phẩm dệt có từ hai thành phần dệt trở lên có hàm lượng sợi dệt khác nhau phải có nhãn hoặc nhãn ghi rõ hàm lượng sợi dệt của từng thành phần. Sợi trang trí và sợi có tác dụng chống tĩnh điện tương ứng không vượt quá 7% và 2% trọng lượng của sản phẩm được loại trừ khỏi chỉ thị về hàm lượng sợi.

Sự hiện diện của các bộ phận không dệt có nguồn gốc động vật phải được đánh dấu là “Chứa các bộ phận không phải dệt có nguồn gốc động vật (*Contains non-textile parts of animal origin*)” trên nhãn dán (labelling) hoặc đánh dấu (marking).

Đối với các sản phẩm dệt có thành phần sợi khó xác định, có thể sử dụng thuật ngữ sợi hỗn hợp hoặc thành phần dệt không xác định.

Phụ lục IV<sup>22</sup> của Quy định EC/1007/2011 ngày 27/09/2011 đưa ra các điều khoản đặc biệt đối với việc ghi nhãn và đánh dấu một số sản phẩm dệt nhất định (sản phẩm vải thun, hàng thêu, v.v.).

<sup>20</sup> [https://webgate.ec.europa.eu/reqs/public/v1/requirement/auxi/eu/eu\\_lbltexti\\_annex5\\_r1007-2011.pdf/](https://webgate.ec.europa.eu/reqs/public/v1/requirement/auxi/eu/eu_lbltexti_annex5_r1007-2011.pdf/)

<sup>21</sup> [https://webgate.ec.europa.eu/reqs/public/v1/requirement/auxi/eu/eu\\_lbltexti\\_annex1\\_r1007-2011.pdf/](https://webgate.ec.europa.eu/reqs/public/v1/requirement/auxi/eu/eu_lbltexti_annex1_r1007-2011.pdf/)

<sup>22</sup> [https://webgate.ec.europa.eu/reqs/public/v1/requirement/auxi/eu/eu\\_lbltexti\\_annex4\\_r1007-2011.pdf/](https://webgate.ec.europa.eu/reqs/public/v1/requirement/auxi/eu/eu_lbltexti_annex4_r1007-2011.pdf/)



## Tên gọi hợp lệ (Authorised names)

Chỉ các loại xơ được liệt kê trong Phụ lục I của Quy định EC/1007/2011 có thể được sử dụng để mô tả thành phần xơ. Các nhà sản xuất có thể nộp đơn lên Ủy ban châu Âu (EC) để thêm một tên sợi dệt mới vào danh sách này. Đơn phải bao gồm hồ sơ kỹ thuật được biên soạn phù hợp với các yêu cầu tại Phụ lục II của Quy chuẩn.

Việc sử dụng các tên sau đây phải tuân theo các điều kiện nhất định:

- Thuật ngữ '*tổ hợp vải bông (cotton linen union)*' được dành cho các sản phẩm có sợi dọc bông nguyên chất (*pure cotton warp*) và sợi ngang của cây lanh nguyên chất (*pure flax weft*), trong đó tỷ lệ sợi lanh chiếm không ít hơn 40% tổng trọng lượng của vải. Tên này phải đi kèm với thông số kỹ thuật thành phần '*sợi dọc bông tinh khiết - sợi lanh (hoặc vải lanh) nguyên chất*'
- Thuật ngữ '*len nguyên chất (virgin wool)*' hoặc '*len lông cừu (fleece wool)*' chỉ có thể được sử dụng cho sản phẩm được làm hoàn toàn từ một loại sợi:
  - trước đây chưa phải là một phần của sản phẩm hoàn chỉnh,
  - chưa trải qua bất kỳ quy trình kéo sợi và/hoặc bọc nỉ nào ngoài những quy trình bắt buộc trong quá trình sản xuất sản phẩm đó,
  - không bị hư hỏng do điều trị hoặc sử dụng.

Những tên này có thể được sử dụng để mô tả hỗn hợp sợi tuân theo các điều kiện nhất định. Thành phần phần trăm đầy đủ phải được đưa ra trong những trường hợp như vậy. Trong một số trường hợp nhất định, có thể cho phép một tỷ lệ nhỏ các sợi ngoại lai.

Ngoài ra, các doanh nghiệp nên chú ý tới một số vấn đề sau liên quan tới dán nhãn:

- Chỉ thị số 94/62/ EC, ngày 20/12/1994, cập nhật ngày 04/07/2018<sup>23</sup> quy định các yêu cầu cần thiết về thành phần và giới hạn kim loại nặng đối với tất cả các bao bì được lưu hành trên thị trường EU, bao gồm cả bao bì được thiết kế

<sup>23</sup> Chỉ thị số 94/62/ EC, ngày 20/12/1994, cập nhật ngày 04/07/2018: <http://data.europa.eu/eli/dir/1994/62/2018-07-04>



cho mục đích công nghiệp, thương mại và trong nước nhằm giảm thiểu tác động môi trường của chất thải bao bì.

- Việc ghi nhãn quốc gia xuất xứ là ‘Sản xuất tại’ (Made in) hoặc ghi nhãn hướng dẫn chăm sóc (Care label) chưa được yêu cầu về mặt pháp lý ở EU. Mặc dù vậy, việc đưa nhãn chăm sóc vào quần áo của doanh nghiệp là điều rất nên làm. Người tiêu dùng mong đợi điều đó và các nhà sản xuất có thể phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với các sản phẩm bị lỗi theo Chỉ thị 85/374/EEC<sup>24</sup> ngày 25/07/1985 về sản phẩm lỗi nếu doanh nghiệp không cung cấp thông tin này. ISO 3758: 2012 là tiêu chuẩn ưu tiên cho việc nhãn chăm sóc (care labelling).
- Các biểu tượng Nhãn chăm sóc thuộc sở hữu của công ty GINETEX. Trong trường hợp xuất khẩu sang các nước như Bỉ, Luc-xăm-bua, Pháp và Thụy Sĩ, doanh nghiệp cần phải trả một khoản tiền cố định cho GINETEX nếu muốn sử dụng các biểu tượng này.

### ❖ Đóng gói sản phẩm

EU quy định yêu cầu về đóng gói trong Chỉ thị 94/62/EC<sup>25</sup> về đóng gói và phế thải đóng gói cập nhật ngày 4 tháng 7 năm 2018 và các chỉ thị sửa đổi ban hành cho tất cả loại bao gói vào thị trường EU và tất cả chất thải bao bì.

<sup>24</sup> Chỉ thị 85/374/EEC: <http://data.europa.eu/eli/dir/1985/374/oj>

<sup>25</sup> <http://data.europa.eu/eli/dir/1994/62/2018-07-04>



Đóng gói được sử dụng để bảo vệ các sản phẩm chống lại các thiệt hại về cơ học. Bao bì đóng gói và ghi nhãn ngoài chứa những thông tin về sản phẩm còn giúp bảo vệ sản phẩm và xác định chất lượng của sản phẩm.

Để xác định vật liệu thích hợp cho đóng gói cần các thông tin như: trọng lượng của sản phẩm; kích cỡ của sản phẩm; số lượng sản phẩm được gói trong một hộp carton; tình trạng của sản phẩm; khả năng xếp chồng; hình dáng bên ngoài...

Nhằm hạn chế tác động của bao bì lên môi trường, EU đã đặt ra các quy định nhằm thiết lập các biện pháp liên quan đến quản lý bao bì và phế thải bao bì trong Chỉ thị 2008/98/EC<sup>26</sup> ngày 19/11/2008 về chất thải. Mục đích của Chỉ thị này để bảo vệ môi trường và sức khỏe con người bằng cách ngăn ngừa hoặc giảm các tác động tiêu cực của chất thải, quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả công việc quản lý rác thải. Các nhà xuất khẩu phải đảm bảo chắc chắn tuân thủ các yêu cầu về bao bì đóng gói, kim loại nặng và dán nhãn hàng hoá khi thâm nhập vào thị trường EU.

<sup>26</sup> <http://data.europa.eu/eli/dir/2008/98/oj>

### ❖ Quy định về quyền sở hữu trí tuệ

Việc sử dụng bất hợp pháp các thương hiệu và mẫu thiết kế trong ngành may mặc được coi là một mối đe dọa nghiêm trọng cho ngành thời trang châu Âu. Nếu doanh nghiệp bán các thiết kế của mình tại thị trường châu Âu, họ phải đảm bảo không vi phạm quyền SHTT. Các quyền này có thể áp dụng cho thiết kế của sản phẩm, thương hiệu hoặc bản vẽ thiết kế được sử dụng. Nếu bên mua cung cấp mẫu thiết kế thì sẽ phải chịu trách nhiệm nếu mặt hàng liên quan bị phát hiện vi phạm quyền SHTT.

Doanh nghiệp cần kiểm tra các trang web của Cơ quan Sở hữu trí tuệ của châu Âu (EUIPO<sup>27</sup>) và cập nhật các mẫu thiết kế, thương hiệu và kho dữ liệu lưu trữ các thiết kế được bảo hộ sở hữu trí tuệ của châu Âu. Đối với dữ liệu về các thiết kế được bảo hộ ngoài EU, doanh nghiệp có thể truy cập trang web của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO).

### ❖ Thủ tục hải quan

Theo quy định, các hàng hóa bên ngoài EU khi được nhập khẩu phải khai báo hải quan. Thủ tục hải quan là thủ tục theo đó hàng hóa được trả ra khi hoàn tất khai báo nhập khẩu đi kèm với các chứng từ liên quan và nộp đầy đủ thuế và các nghĩa vụ hải quan khác cho cơ quan hải quan.

### Các chứng từ cơ bản trong bộ hồ sơ hải quan

Theo quy định của EU, khi thông quan hàng hoá, phải xuất trình cho cơ quan Hải quan tờ khai theo mẫu do Hải quan quy định. Những chứng từ cơ bản cho hàng hoá nhập khẩu vào các nước thành viên EU không phụ thuộc vào giá trị lô hàng hay loại hình vận chuyển. Thông thường đối với hàng nhập khẩu vào EU, yêu cầu phải có những chứng từ cơ bản sau:

<sup>27</sup> <https://euipo.europa.eu>

- **Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice):** Cần ghi rõ chính xác thông tin của người nhập khẩu, người xuất khẩu, ngày xuất hóa đơn, số hóa đơn, miêu tả hàng hóa, điều kiện giao hàng và các chi tiết cần thiết nhằm xác định đúng tất cả giá hàng, cước phí và bảo hiểm;
- **Tờ khai Trị giá Hải quan (Customs Value Declaration):** áp dụng cho các lô hàng vượt quá 20.000 EUR. Tờ khai hải quan phải kèm theo Văn bản hành chính đơn (Single Administrative Document – SAD).
- **Mẫu Tờ khai Trị giá Hải quan:**  
[https://webgate.ec.europa.eu/reqs/public/v1/requirement/auxi/eu/eu\\_gen\\_valuedec\\_dv1.pdf/](https://webgate.ec.europa.eu/reqs/public/v1/requirement/auxi/eu/eu_gen_valuedec_dv1.pdf/)
- **Văn bản Hành chính đơn (Single Administrative Document - SAD):** Tất cả hàng hóa nhập khẩu vào EU phải được khai báo với cơ quan hải quan của Quốc gia thành viên tương ứng bằng Văn bản Hành chính đơn (Single Administrative Document - SAD), mẫu hồ sơ chung cho tất cả các Quốc gia thành viên EU theo Bộ luật Hải quan của Liên minh và Đạo luật được ủy quyền chuyển tiếp (Quy định EU 2016/341<sup>28</sup> ngày 17/12/2015) trong khi môi trường hải quan điện tử được triển khai đồng bộ.
- **Chứng từ vận chuyển (Freight documents):** tùy vào loại phương tiện vận chuyển hàng hoá mà vận đơn (Bill of lading) và chứng từ tương ứng được yêu cầu xuất trình
- **Vận đơn (Bill of Lading):** Cần có bản sao vận đơn (hoặc vận đơn hàng không) để làm thủ tục hải quan. Người nhận hàng thường cần có vận đơn gốc để thông quan nhập khẩu.
- **Giấy chứng nhận xuất xứ (Certificate of Origin – C/O):** Khi người nhập khẩu yêu cầu hoặc quy định bắt buộc đối với một số mặt hàng nhất định. Các hàng

<sup>28</sup> [http://data.europa.eu/eli/reg\\_del/2016/341/2021-03-15](http://data.europa.eu/eli/reg_del/2016/341/2021-03-15)

hoá được hưởng GSP phải có giấy chứng nhận xuất xứ mẫu A “C/O form A.”  
Đối với xuất khẩu hàng hóa theo EVFTA cần chứng nhận xuất xứ C/O EUR1.

- **Phiếu đóng gói (Packing list):** Là một chứng từ thương mại kèm theo hóa đơn thương mại và chứng từ vận tải, cung cấp thông tin về mặt hàng nhập khẩu và chi tiết đóng gói của từng lô hàng.
- **Giấy phép nhập khẩu (Import License):** Theo quy định của EU, giấy phép nhập khẩu là cần có đối với hầu hết các mặt hàng nông sản, thực phẩm, sắt, thép, nhôm, vũ khí, hóa chất, dược phẩm.
- **Giấy chứng nhận bảo hiểm hàng hóa (Insurance Certificate):** Chỉ phải xuất trình nếu thông tin về phí bảo hiểm không được thể hiện trong hóa đơn thương mại.
- Và một số chứng từ, tài liệu khác tùy thuộc vào loại hàng hóa nhập khẩu hoặc các ưu đãi được hưởng.

### Thủ tục hải quan của EU

Khi hàng hóa đến cơ quan hải quan nhập cảnh vào EU, hàng hóa được đưa vào kho tạm giữ dưới sự giám sát của hải quan (không quá 90 ngày) cho đến khi được thực hiện một trong các thủ tục hải quan sau (hoặc tái xuất):

#### **Phát hành thủ tục lưu thông tự do (Release for free circulation)**

Mục đích của việc phát hành thủ tục lưu thông tự do là hoàn thành tất cả các thủ tục nhập khẩu để hàng hóa có thể được bán trên thị trường Liên minh.

Hàng hóa được đưa đi tiêu thụ khi đã đáp ứng tất cả yêu cầu nhập khẩu:

- Tất cả loại thuế quan hiện hành và khoản phí khác đã được thanh toán.
- Đã xuất trình giấy phép nhập khẩu đối với hàng hóa theo hạn ngạch.
- Tất cả các giấy phép và giấy chứng nhận hiện hành (ví dụ: giấy chứng nhận thú y cho một số động vật hoặc sản phẩm động vật) đã được xuất trình.



Hàng hóa nhập khẩu được làm thủ tục khai báo hải quan. Ngày mà tờ khai này được cơ quan hải quan ở một nước EU chấp nhận cũng là ngày được tính thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt, nếu có.

### **Các thủ tục đặc biệt (*Special procedures*)**

Hàng hóa có thể được đặt dưới bất kỳ hình thức xử lý nào sau đây:

- Quá cảnh trong Liên minh, bao gồm:

- *Quá cảnh bên ngoài (External transit)*: hàng hóa không thuộc Liên minh có thể được chuyển từ điểm này đến điểm khác trong lãnh thổ hải quan của EU mà không phải chịu thuế nhập khẩu, các khoản phí khác liên quan đến việc nhập khẩu hàng hóa (tức là thuế nội địa) và các biện pháp chính sách thương mại. Chuyển hàng hóa sang một nước thành viên EU khác có nghĩa là thủ tục thông quan được chuyển đến cơ quan hải quan nơi đến.

- *Quá cảnh nội bộ (Internal transit)*: hàng hóa của EU có thể được chuyển từ điểm này đến điểm khác trong lãnh thổ hải quan của EU mà không có bất kỳ thay đổi nào về tình trạng hải quan của chúng. Điều này bao gồm việc vận chuyển hàng hóa qua một lãnh thổ khác nằm ngoài lãnh thổ hải quan của EU.

- Kho lưu trữ, bao gồm kho hải quan và các khu tự do:

- *Kho hải quan (Customs Warehouse)*: hàng hóa không thuộc Liên minh có thể được lưu trữ tại cơ sở hoặc bất kỳ địa điểm nào khác được cơ quan hải quan cho phép và chịu sự giám sát hải quan (kho hải quan) mà không phải chịu thuế nhập khẩu, các khoản phí khác liên quan đến việc nhập khẩu hàng hóa và thương mại các biện pháp chính sách.

- *Các khu vực tự do (Free zones)*: các quốc gia Thành viên có thể chỉ định các phần lãnh thổ hải quan của Liên minh là các khu vực tự do. Đây là nơi hàng hóa có thể được giới thiệu miễn thuế nhập khẩu, các khoản phí khác (tức là thuế nội địa) và các biện pháp chính sách thương mại, cho đến khi chúng được giao một thủ tục

hải quan được chấp thuận khác hoặc được tái xuất. Hàng hóa cũng có thể trải qua các hoạt động đơn giản như xử lý và đóng gói lại.

- Sử dụng cụ thể bao gồm nhập khẩu tạm thời và sử dụng cuối cùng:

- *Nhập khẩu tạm thời*: hàng hóa không thuộc Liên minh có thể vào EU mà không phải trả thuế nhập khẩu, miễn là chúng được dùng để tái xuất mà không bị thay đổi. Thời hạn tạm nhập tối đa là hai năm.

- *Sử dụng cuối cùng*: hàng hóa có thể được lưu thông tự do theo hình thức miễn thuế hoặc giảm thuế tùy theo mục đích sử dụng cụ thể của chúng.

- Xử lý, bao gồm xử lý bên trong và bên ngoài:

- *Gia công nội địa*: hàng hóa có thể được nhập khẩu vào EU mà không phải chịu thuế, thuế và thủ tục, được xử lý dưới sự kiểm soát của hải quan và sau đó tái xuất. Nếu các thành phẩm cuối cùng không được xuất khẩu, chúng sẽ phải chịu các loại thuế và thủ tục hiện hành.

- *Gia công bên ngoài*: hàng hóa của Liên minh có thể được tạm xuất từ lãnh thổ hải quan của Liên minh cho mục đích gia công. Hàng hóa đã qua chế biến có thể được đưa ra lưu thông tự do với thuế nhập khẩu được giảm toàn bộ hoặc một phần.

## VI. Thực tiễn năm đầu thực thi Hiệp định EVFTA trong xuất khẩu mặt hàng sang thị trường EU

Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, một năm kể từ khi EVFTA chính thức đi vào hiệu lực (từ tháng 8/2020 – tháng 7/2021), kim ngạch xuất khẩu mặt hàng dệt may sang thị trường EU đạt 3,28 tỷ USD, tăng 2,1% so với cùng giai đoạn trước EVFTA (tháng 8/2019 - tháng 7/2020). Kết quả tăng trưởng này được nhận định có sự hỗ trợ đáng kể từ việc thực thi Hiệp định Thương mại tự do EVFTA và đặc biệt đáng ghi nhận trong bối cảnh kinh tế, giao thương và



cung ứng toàn cầu vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn và các diễn biến phức tạp, khó lường của đại dịch Covid-19. Doanh nghiệp đang dần hiện thực hóa được những cơ hội và lợi ích mà Hiệp định này mang lại.

**Bảng 8: Xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường các nước thành viên EU giai đoạn từ tháng 8/2020 đến tháng 7/2021**

Thị trường	Giai đoạn T8/2020 - T7/2021 (nghìn USD)	So với giai đoạn T8/2019-T7/2020 (%)	7T/2021	So với 7T/2020 (%)
<b>EU</b>	<b>3.277.914</b>	<b>2,1</b>	<b>1.897.104</b>	<b>11,4</b>
Đức	765.047	-2,3	447.761	3,4
Hà Lan	671.984	6,6	400.076	18,8
Pháp	620.447	22,7	304.897	24,2
Bỉ	393.498	10,5	239.681	22,0
Tây Ban Nha	269.976	-21,6	148.836	-8,6
Italia	251.729	-3,0	161.763	10,9
Ba Lan	79.979	13,5	51.844	26,7
Thụy Điển	69.503	1,3	46.511	17,7
Đan Mạch	46.672	-30,7	29.711	-19,3
Ái Len	21.967	16,0	10.950	27,3
CH Séc	15.498	75,0	8.243	59,1
Slovenia	12.508	-26,9	7.649	0,8
Croatia	11.791	-14,5	10.805	28,7
Lucxembua	10.521	55,0	5.644	51,5
Áo	9.620	-70,3	4.785	-72,7
Phần Lan	9.362	-21,0	5.903	-9,9
Látvia	4.653	52,7	3.132	67,8
Hy Lạp	4.333	-35,1	2.324	-38,1
Bulgary	3.902	2.540,5	3.857	3.835,9
Hungary	1.609	74,6	750	7,1
Malta	1.039	-2,4	751	48,2
Slovakia	633	-7,0	318	13,1
Bồ Đào Nha	619	16,9	247	85,4
Rumani	447	-52,0	292	-4,2
Lítvia	304	-53,1	200	179,2
Estonia	248	-36,9	149	-10,0
Síp	24	-21,6	24	36,6

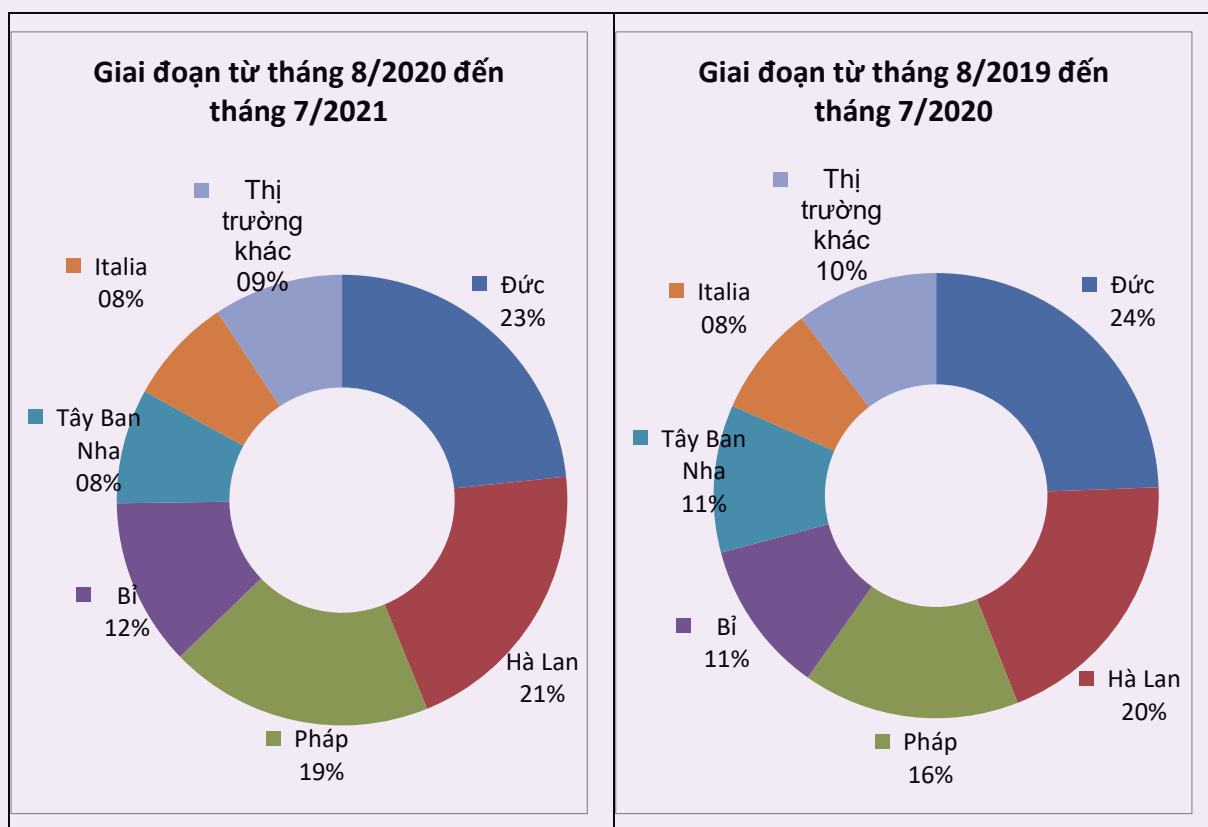
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang EU chỉ tăng nhẹ trong năm đầu tiên Hiệp định EVFTA đi vào thực thi là do xuất khẩu sang một số thị trường tiêu thụ lớn như Đức giảm 2,3%, Tây Ban Nha giảm 21,6%; Italia giảm 3%; Đan Mạch giảm 30,7%; Slovenia giảm 26,9%; Croatia giảm 14,5%...

Tuy vậy, xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang một số thị trường khác trong khối EU lại ghi nhận sự tăng trưởng tích cực như Pháp tăng 22,7%; Bỉ tăng 10,5%. Đáng chú ý, xuất khẩu sang các thị trường Đông Âu như CH Séc, Bungari, Hungary tăng hết sức ấn tượng, lần lượt tăng 75%, 2.540,5%, 74,6% so với giai đoạn trước Hiệp định EVFTA.

### Biểu đồ 8: Cơ cấu thị trường xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam tại khối EU

(% tính theo kim ngạch xuất khẩu)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Áo jacket là chủng loại hàng may mặc của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường EU đạt kim ngạch cao nhất, đạt 841,1 triệu USD. Tuy vậy, xuất khẩu mặt hàng này sang thị trường EU đã giảm trong năm đầu tiên thực thi Hiệp định EVFTA, giảm 8%

so với giai đoạn trước đó. Ở chiều ngược lại, xuất khẩu nhiều chủng loại hàng may mặc khác sang thị trường EU tăng trưởng ở mức hai con số như đồ lót, quần áo bảo hộ lao động, quần áo trẻ em, quần short...

**Bảng 9: Chủng loại hàng dệt, may mặc xuất khẩu của Việt Nam sang EU giai đoạn từ tháng 8/2020 đến tháng 7/2021**

Chủng loại	Giai đoạn từ tháng 8/2020 đến tháng 7/2021 (nghìn USD)	So với giai đoạn từ tháng 8/2019 đến tháng 7/2020 (%)	7T/2021	So với 7T/2020 (%)	So với 7T/2019 (%)
<b>Tổng</b>	<b>3.277.914</b>	<b>2,1</b>	<b>1.897.104</b>	<b>11,4</b>	<b>-5,9</b>
Áo Jacket	841.141	-8,0	466.383	-0,1	-14,8
Quần	611.739	0,3	364.596	12,2	-0,9
Áo thun	497.042	9,6	297.699	22,8	12,1
Đồ lót	214.125	13,0	139.670	53,0	-5,1
Áo sơ mi	193.600	-5,1	106.113	1,1	-14,5
Quần áo bảo hộ lao động	188.356	34,5	54.693	-37,3	-30,6
Quần áo trẻ em	157.570	16,4	86.203	23,5	11,7
Quần Short	127.395	17,2	84.580	27,0	18,6
Găng tay	88.854	6,9	50.657	17,4	6,3
Váy	70.947	-7,8	41.576	-1,1	-34,4
Quần áo bơi	56.533	-16,9	46.008	14,1	-25,7
Quần áo Vest	34.369	-33,3	18.103	-36,0	-38,7
Quần tất, bít tất	34.350	74,0	20.124	58,5	65,2
Áo len	25.236	14,4	12.915	12,0	16,6
Hàng may mặc	20.265	-29,7	10.177	-17,3	-38,7
Vải	18.003	-3,4	10.735	29,2	-39,6
Áo	17.328	-45,6	8.996	43,5	-73,1
Áo Gilê	17.322	24,5	9.998	69,6	50,8
Quần áo ngủ	13.601	-30,1	6.123	-41,8	-56,1
Quần Jean	10.894	215,7	6.253	210,0	54,7
Áo nỉ	4.376	405,8	3.834	1.118,5	817,8
Phụ liệu may	4.271	16,7	3.013	35,4	96,3
Khăn bông	3.827	-3,5	2.177	7,5	10,4
Quần áo mưa	3.139	-19,5	2.239	24,9	7,5
Áo gió	1.680	46,4	757	65,1	43,4
Màn	1.462	230,2	894	313,7	274,9
Khăn	1.344	55,4	760	21,7	25,7
Caravat	582	-67,8	310	-49,4	-80,0
Khăn bàn	269	-67,5	65	-77,2	-88,9

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

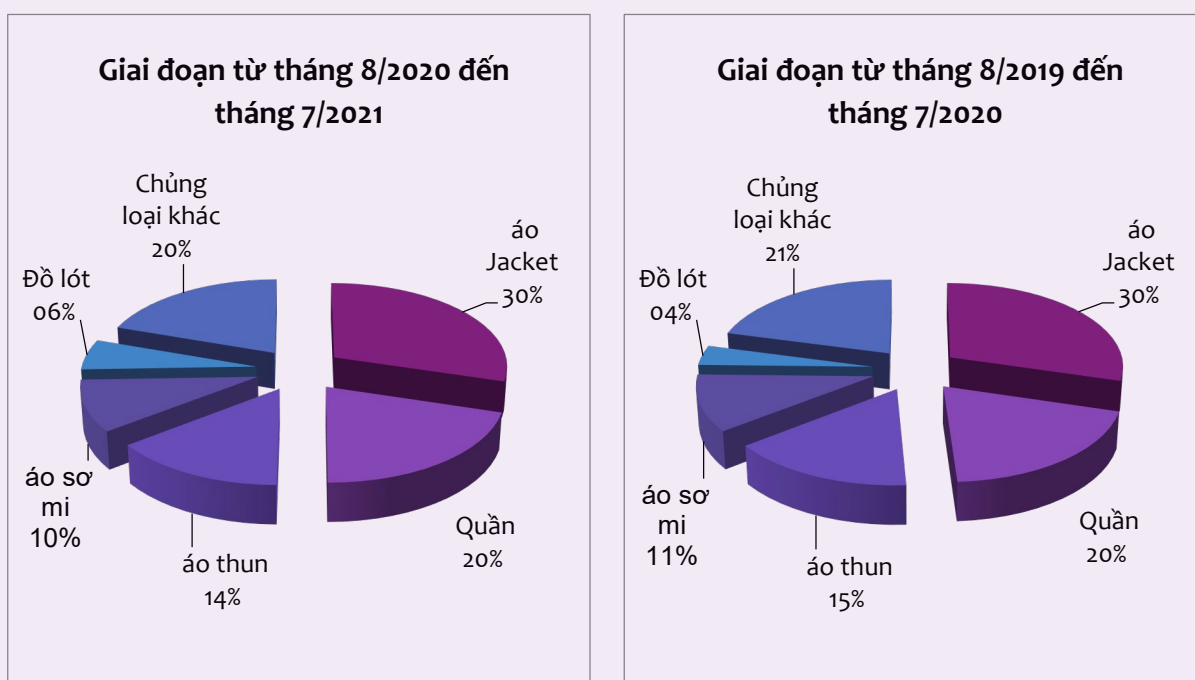


Cụ thể tình hình xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang một số nước EU như sau:

Đức là thị trường xuất khẩu hàng dệt may lớn nhất của Việt Nam trong khối EU, chiếm tỷ trọng 23,3%. Sau một năm Hiệp định EVFTA có hiệu lực, xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang thị trường Đức đạt 765,04 triệu USD, giảm 2,3% so với một năm trước đó. Các chủng loại quần áo của Việt Nam xuất khẩu chủ yếu sang thị trường Đức là áo jacket, quần dài các loại, áo thun. Trong những tháng đầu năm 2021, mặc dù kinh tế đã có dấu hiệu phục hồi, tuy vậy chi tiêu cho mua sắm quần áo của người dân Đức vẫn ở mức thấp, điều này ảnh hưởng đến nhu cầu nhập khẩu hàng may mặc vào Đức.

### Biểu đồ 9: Cơ cấu chủng loại hàng may mặc xuất khẩu sang thị trường Đức

(% tính theo kim ngạch xuất khẩu)



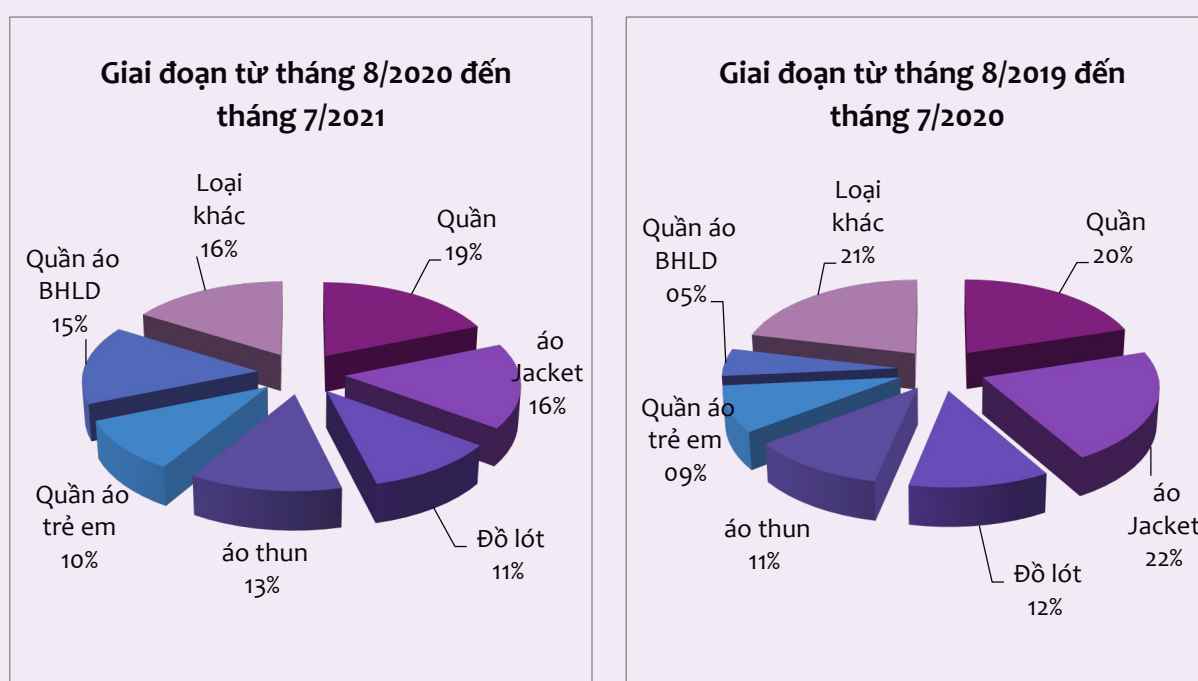
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Pháp cũng là thị trường tiêu thụ lớn các sản phẩm dệt may của Việt Nam trong khu vực EU, tuy vậy, so với thị trường Đức, xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam sang thị trường Pháp chứng kiến sự tăng trưởng tốt hơn trong năm đầu tiên Hiệp định EVFTA đi vào thực thi, đạt 620,44 triệu USD, tăng 22,7% so với một năm trước

đó. Việt Nam xuất khẩu chủ yếu các loại quần dài, áo jacket, áo thun, quần áo trẻ em, quần áo bảo hộ lao động sang thị trường Pháp. Trong đó, xuất khẩu các loại quần áo bảo hộ sang thị trường Pháp có tốc độ tăng trưởng mạnh nhất, tăng 246,7% so với một năm trước đó. Ngoài ra, nhiều chủng loại hàng may mặc của Việt Nam xuất khẩu sang Pháp cũng tăng vọt so với trước EVFTA như áo len, bít tất, phụ liệu may, đặc biệt là chủng loại áo nỉ tăng gấp 30 lần.

### Biểu đồ 10: Cơ cấu chủng loại hàng may mặc xuất khẩu sang thị trường Pháp

(% tính theo kim ngạch xuất khẩu)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Bungari: Mặc dù chỉ chiếm 0,1% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam xuất khẩu sang khối EU, Bungari đang nổi lên là thị trường tiêu thụ hàng may mặc của Việt Nam tại EU có tốc độ tăng trưởng ấn tượng nhất trong năm đầu thực thi Hiệp định EVFTA (2.540,5%). Đáng chú ý, chiếm đến 98% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam vào Bungari giai đoạn này là áo jacket.

### Thị phần của Việt Nam tại EU:

Trong bối cảnh chung khi kinh tế EU bị tác động nghiêm trọng bởi đại dịch khiến sức tiêu thụ và nhập khẩu hàng hóa tại thị trường suy giảm, nhập khẩu dệt may của EU từ Việt Nam vẫn chứng kiến sự tăng trưởng đáng kể; thị phần cạnh tranh của dệt may Việt Nam đang có dấu hiệu khôi phục tại thị trường EU. Theo số liệu của Eurostat, trong 7 tháng năm 2021, cũng là thời điểm tròn một năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực, kim ngạch nhập khẩu mặt hàng dệt may Việt Nam của EU đạt 1,55 tỷ EUR, tăng 8,52%; chiếm thị phần 4,15%, cao hơn so với mức 3,87% cùng kỳ năm ngoái.

**Bảng 10: Nhập khẩu của EU và Thị phần dệt may Việt Nam tại EU thời điểm tròn 1 năm EVFTA có hiệu lực**

ĐVT: triệu EUR

Mặt hàng	Kim ngạch 7 tháng 2021		Thị phần của Việt Nam 7T 2021	Tăng trưởng so với cùng kỳ	Kim ngạch 7 tháng 2020		Thị phần của Việt Nam 7T 2020
	EU ngoại khối	Việt Nam			EU ngoại khối	Việt Nam	
Dệt may (HS 61 & 62)	37.440	1.554	4,15%	▲ 8,52%	37.011	1.432	3,87%

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Eurostat

Có thể thấy, EVFTA trên thực tế đã có những tác động hết sức tích cực lên xuất khẩu mặt hàng dệt may của Việt Nam. Sau một năm thực thi Hiệp định, xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang EU đã chứng kiến sự tăng trưởng khả quan bất chấp những khó khăn, phức tạp do đại dịch Covid-19, nhờ ưu đãi cắt giảm thuế quan đang mang lại lợi thế cạnh tranh rất lớn về giá. Theo thống kê của Bộ Công Thương đối với mặt hàng dệt may, EU sẽ xóa bỏ thuế quan với 77,3% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sau 5 năm, trong đó khoảng 18% kim ngạch xuất khẩu về

0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực và 22,7% kim ngạch còn lại sẽ được xóa bỏ sau 7 năm. Ưu đãi EVFTA đem lại là vượt trội so với cơ chế GSP đang được hưởng.

### **Một số khó khăn, vướng mắc**

Sau một năm Hiệp định EVFTA đi vào thực thi, xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang thị trường EU mặc dù ghi nhận kết quả tăng trưởng, tuy vậy, mức độ tăng chưa được như kỳ vọng. Nguyên nhân là do khả năng đáp ứng quy tắc xuất xứ hàng hóa, cũng như hạn chế về năng lực sản xuất nguyên liệu trong nước để phục vụ sản xuất, xuất khẩu là những thách thức lớn đối với ngành dệt may để khai thác tối đa Hiệp định EVFTA. Trong khi ngành dệt may của Việt Nam nhập khẩu kim ngạch lớn vải nguyên liệu từ nhiều thị trường trên thế giới như Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản... thì lượng vải nguyên liệu nhập khẩu từ EU lại rất thấp (chiếm 1,12% tổng kim ngạch nhập khẩu vải trong năm 2020 và chiếm 1,19% tổng kim ngạch nhập khẩu vải trong 7 tháng năm 2021). Trong ngắn hạn, việc đáp ứng quy tắc xuất xứ với hàng dệt may xuất sang EU để được hưởng ưu đãi thuế quan theo EVFTA vẫn là hạn chế với ngành dệt may Việt Nam. Trong dài hạn, khi mức thuế suất tiếp tục giảm sâu tạo động lực cho ngành hình thành chuỗi sản xuất khép kín từ nguyên liệu thô đến thành phẩm hoàn thiện sẽ là điều kiện tận dụng tốt hơn ưu đãi từ EVFTA.

Hiện nay, kể cả với lợi thế từ EVFTA, Việt Nam vẫn gặp khó trong việc tiếp cận thị trường EU do chưa hoàn toàn đáp ứng các yêu cầu cao của EU đặt ra đối với chất lượng sản phẩm, các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật, đến các vấn đề môi trường, xã hội, phát triển bền vững... EU cũng thường xuyên rà soát, điều chỉnh các quy định khiến các doanh nghiệp Việt Nam trong nhiều trường hợp không kịp nắm bắt, thích nghi. Bên cạnh đó, EU đang có xu hướng gia tăng áp dụng biện pháp phi thuế quan, các biện pháp phòng vệ thương mại và hàng rào bảo hộ mới. Xu hướng củng cố chuỗi cung ứng trong nội khối EU cũng tạo ra sức ép cạnh tranh về thương mại, đầu tư đáng kể cho các doanh nghiệp Việt Nam.

Trong khi đó, về bản thân các doanh nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Việt Nam năng lực cạnh tranh và khả năng tham gia thương mại quốc tế còn hạn chế, đồng thời chưa thực sự chú trọng xây dựng chiến lược kinh doanh bài bản, bền vững, từ đó ảnh hưởng đến việc tận dụng các cơ hội mà Hiệp định mang lại. Một thực trạng nữa là nhiều doanh nghiệp chưa thực sự chủ động tìm hiểu về thị trường và các ưu đãi FTA. Theo khảo sát gần đây của VCCI, có tới 45% doanh nghiệp xuất nhập khẩu chưa biết đến cam kết thuế quan liên quan đến ngành hàng của mình.

Ngoài ra, tình hình dịch bệnh với diễn biến phức tạp, kéo dài ảnh hưởng nghiêm trọng đến giao thương, đứt gãy chuỗi cung ứng hàng hóa, làm suy giảm nghiêm trọng nguồn lực của doanh nghiệp, ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm cả các khâu đổi mới công nghệ, cải thiện chất lượng sản phẩm, năng suất lao động... Bên cạnh đó, khó khăn trong hoạt động logistics như khó thuê container, giá cước vận tải tăng cao kỷ lục... cũng làm ảnh hưởng đến xuất khẩu hàng hóa nói chung và xuất khẩu dệt may sang thị trường EU nói riêng.

### **Cơ hội, triển vọng từ EVFTA**

Với tín hiệu xuất khẩu khả quan sau một năm EVFTA đi vào thực thi, nhiều cơ hội triển vọng đang mở ra cho ngành dệt may Việt Nam.

Hiệp định EVFTA là một trong các FTA thế hệ mới có mức độ cam kết cao, toàn diện sẽ hỗ trợ ngành dệt may Việt Nam tiệm cận vị trí “mắt xích” quan trọng trong chuỗi giá trị dệt may.

EVFTA sẽ là cơ hội để gia tăng giá trị xuất khẩu và mở rộng thị phần; đồng thời cũng tạo sức ép để ngành dệt may nâng cao năng lực sản xuất nội tại, sức cạnh tranh, chinh phục thành công các thị trường cao cấp. Theo nghiên cứu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, dự báo kim ngạch xuất khẩu dệt may vào EU sẽ tăng khoảng 67% đến năm 2025 so với kịch bản không có Hiệp định.



Với các cam kết loại bỏ thuế nhập khẩu đối với các nguyên phụ liệu từ EU, doanh nghiệp Việt Nam có cơ hội nhập khẩu các nguyên liệu dệt may (đặc biệt là các chất liệu mới mà EU có thể mạnh). Việc sử dụng nguyên phụ liệu dệt may, da giày của EU sẽ góp phần tăng hàm lượng giá trị nội địa của các sản phẩm dệt may mà Việt Nam sản xuất để xuất khẩu sang EU. Từ đó, khả năng được hưởng thuế nhập khẩu ưu đãi khi vào thị trường EU cũng cao hơn. Ngoài ra, với các cam kết loại bỏ thuế nhập khẩu đối với các loại máy móc, thiết bị ngành may từ EU, doanh nghiệp sẽ có cơ hội nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị từ EU (đặc biệt là các loại sử dụng công nghệ cao, công nghệ mới) với giá hợp lý, tạo cơ hội phát triển sản xuất, đặc biệt theo hướng hàng chất lượng cao.

Về đầu tư, Hiệp định EVFTA cũng sẽ tạo điều kiện thu hút nguồn đầu tư nước ngoài, chuyển giao công nghệ trong xây dựng và mở rộng sản xuất vải tại Việt Nam để hoàn thiện chuỗi giá trị giúp hàng dệt may đáp ứng xuất xứ và hưởng thuế quan ưu đãi khi xuất khẩu sang EU. Đồng thời EU cũng được coi là nơi cung cấp các công



nghệ nguồn và các trung tâm thời trang hàng đầu thế giới, do đó có thể thu hút đầu tư từ EU cho lĩnh vực sản xuất các sản phẩm thời trang.

Bên cạnh đó, cùng với cơ chế linh hoạt cộng gộp mở rộng, trong tương lai, khi EU và Việt Nam có thêm nhiều đối tác FTA chung, sẽ càng thúc đẩy các nhà đầu tư phát triển chuỗi cung ứng và gia công, sản xuất tại Việt Nam.

Nhờ những lợi thế về thuế quan và xu hướng đa dạng hóa nguồn cung trên thế giới, trong trung và dài hạn, Việt Nam sẽ có nhiều cơ hội từ làn sóng dịch chuyển sản xuất gia công, điển hình với ngành dệt may. Tuy nhiên, trong dài hạn nếu không có giải pháp đi sâu vào trong chuỗi giá trị (ODM, OEM), những lợi thế về chi phí của Việt Nam sẽ mất dần đi và gặp phải áp lực cạnh tranh lớn từ các nước như Campuchia, Bangladesh, thậm chí từ chính các doanh nghiệp FDI may mặc chuyển dịch từ Trung Quốc sang nhằm tận dụng các cơ hội về ưu đãi thuế.

## **VII. Doanh nghiệp cần làm gì để tận dụng EVFTA xuất khẩu mặt hàng sang thị trường EU**

- ✓ **Doanh nghiệp cần chủ động tìm hiểu thông tin thị trường, các quy định chính sách của EU, cùng các cam kết liên quan trong Hiệp định EVFTA để có thể tận dụng được hiệu quả các ưu đãi khi xuất khẩu sang EU.**

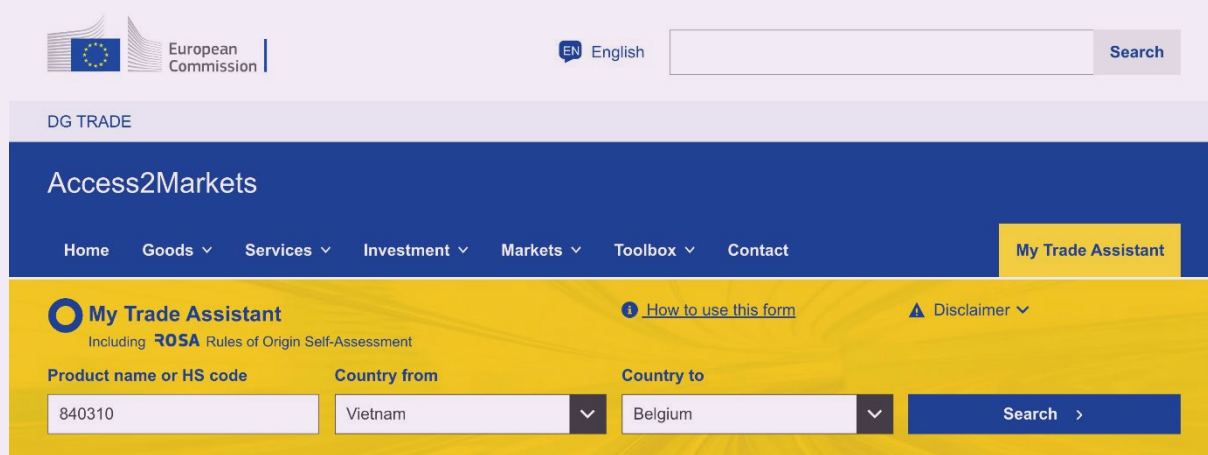
*Hướng dẫn sử dụng một số công cụ hỗ trợ tìm kiếm thông tin*

### **(1) Hệ thống dữ liệu Access2Markets**

**Hệ thống dữ liệu về Tiếp cận thị trường của EU - Access2Markets**

<https://trade.ec.europa.eu/access-to-markets/en/home>

Hệ thống Access2Markets do EC xây dựng nhằm hỗ trợ các hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp châu Âu cũng như các doanh nghiệp đối tác xuất nhập khẩu của châu Âu. Với các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam, Access2Markets của EU có thể giúp tìm hiểu các số liệu về xuất nhập khẩu của EU đối với một mặt hàng cụ thể với một đối tác cụ thể. Đồng thời, công cụ này cũng cung cấp thông tin về thuế quan, hàng rào kỹ thuật, thủ tục hải quan, quy tắc xuất xứ đối với hàng hóa nhập khẩu vào EU...



Cổng thông tin này được hiển thị với 24 ngôn ngữ chính thức của EU và có các nội dung sau:

- Hướng dẫn cụ thể từng bước về xuất/nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ với EU;
- Thông tin về quy định và tiêu chuẩn kỹ thuật cần thiết liên quan tới hàng hóa nhập khẩu vào thị trường EU.
- Hướng dẫn chi tiết về quy tắc xuất xứ;
- Công cụ hỗ trợ doanh nghiệp xác định xuất xứ sản phẩm của mình;
- Giải thích các thuật ngữ thương mại;
- Thông tin về lộ trình cắt giảm thuế quan trong các hiệp định thương mại;
- Đồ thị thống kê dòng chảy thương mại.

### Hướng dẫn sử dụng:

Hệ thống tra cứu này không yêu cầu đăng nhập. Doanh nghiệp có thể trực tiếp truy cập vào website và tra cứu các thông tin cần thiết.

Hệ thống này bao gồm rất nhiều thông tin, doanh nghiệp truy cập và link <https://trade.ec.europa.eu/access-to-markets/en/content/welcome-access2markets-market-access-database-users> và làm theo các hướng dẫn trên đó để tìm thông tin cần biết liên quan đến Hàng hóa, Dịch vụ, Đầu tư và Thị trường.



Đầu tiên, doanh nghiệp nhập thông tin vào ô tương ứng để tìm kiếm các quy định, thủ tục hải quan và thông tin thị trường liên quan tới hàng hóa.

Sau khi tìm kiếm thành công, các thông tin về thuế nhập khẩu, quy tắc xuất xứ, thuế, quy định & tiêu chuẩn kỹ thuật về hàng hóa, tiềm năng thị trường sẽ được cung cấp.

**Import to EU**

Results for product code 8403.10.10 from Vietnam to Belgium

**Thông tin thuế nhập khẩu (tariff), điều kiện và quy định của EU đi kèm**

**Tariffs** (latest update: 26 October 2021)

Origin/ Measure type	Tariff	Conditions	Footnote	EU law
ERGA OMNES Third country duty	2.70%			R2261/98
ERGA OMNES Suspension - goods for certain categories of ships, boats and other vessels and for drilling or production platforms	0%	Show	EU003 TM510	R2658/87
GSP - General arrangements Tariff preference	0%			R0978/12
Viet Nam Tariff preference	0%			D0753/20

**Các thông tin khác:**

- Quy tắc xuất xứ
- Thuế quan
- Quy định và yêu cầu nhập khẩu liên quan tới hàng hóa
- Số liệu thương mại của hàng hóa
- Cách đọc các kết quả

Để tra cứu số liệu về xuất nhập khẩu về hàng hóa giữa EU (không bao gồm Anh) và các đối tác, doanh nghiệp lựa chọn menu Goods (Hàng hóa) ở thanh menu trái và truy cập vào trang EU trade statistics (trừ Vương quốc Anh):

<https://trade.ec.europa.eu/access-to-markets/en/statistics>

## (2) Công cụ Trade Map – Bản đồ Thương mại của ITC

### Công cụ Trade Map - Bản đồ Thương mại của ITC

<https://www.trademap.org/>

Công cụ tra cứu Trade Map được ITC xây dựng nhằm giúp các doanh nghiệp tìm hiểu và nghiên cứu thông tin thương mại về các sản phẩm và thị trường chiến lược.

### Trang chủ của công cụ Trade Map

Trade Map provides - in the form of tables, graphs and maps - indicators on export performance, international demand, alternative markets and competitive markets, as well as a directory of importing and exporting companies. Trade Map covers 220 countries and territories and 5300 products of the Harmonized System. The monthly, quarterly and yearly trade flows are available from the most aggregated level to the tariff line level.

Imports Exports

Service Product ☒ Single ☐ Group    [Advanced search](#)

☒ Country ☐ Region

Trade Map cung cấp số liệu về xuất nhập khẩu và thuế quan của từng sản phẩm của từng quốc gia với từng đối tác. Thông qua Trade Map, người dùng có thể tìm hiểu được thế mạnh xuất khẩu/nhu cầu nhập khẩu của từng đối tác thương mại và các đối thủ cạnh tranh hiện tại. Trade Map cung cấp số liệu theo từng năm, theo từng mã HS ở cấp 2, 4, hoặc 6 số, theo giá trị hoặc tỷ lệ phần trăm... Người dùng có thể trích xuất thông tin dưới dạng bảng, biểu đồ hoặc bản đồ và lọc các dữ liệu cần trích xuất theo hàng hóa, quốc gia, nhóm sản phẩm hoặc nhóm quốc gia...

Trade Map là công cụ miễn phí và rất hữu hiệu đặc biệt cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ khi muốn tìm hiểu một thị trường xuất khẩu/nhập khẩu tiềm năng, đánh giá các đối thủ cạnh tranh hiện tại, để từ đó xây dựng các chiến lược xuất nhập khẩu cho doanh nghiệp mình.



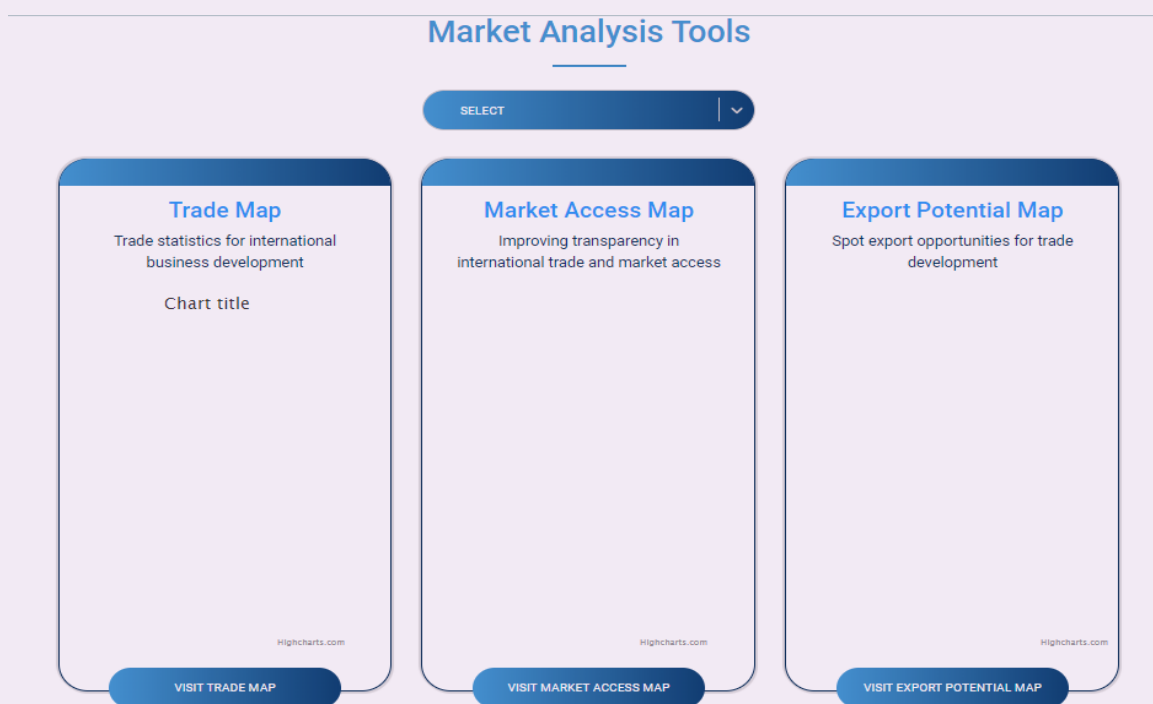
## Hướng dẫn sử dụng

**Tạo tài khoản:** Để sử dụng Trade Map, người dùng chỉ cần đăng ký 1 tài khoản bằng email trên trang web của ITC sau đó có thể đăng nhập và sử dụng tất cả các công cụ nghiên cứu thị trường của ITC, trong đó có Trade Map.

Thông tin chi tiết về các công cụ trên có thể truy cập tại:

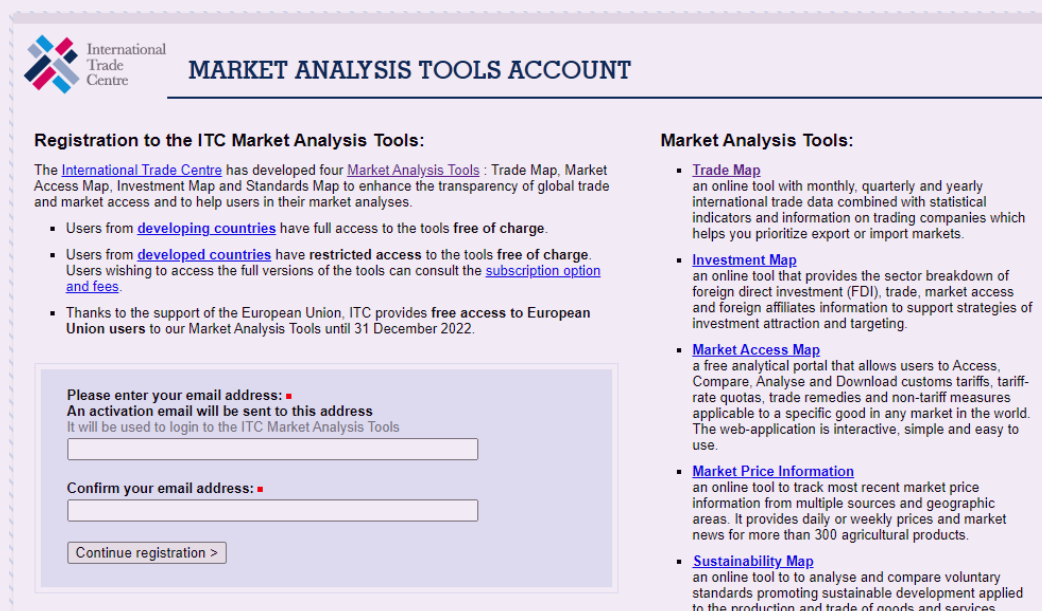
<https://marketanalysis.intracen.org>

## Các công cụ nghiên cứu thị trường của ITC



Đăng ký tài khoản sử dụng Trade Map và các công cụ trên tại:

<https://mas-admintools.intracen.org/accounts/Registration.aspx>



**Registration to the ITC Market Analysis Tools:**

The [International Trade Centre](#) has developed four [Market Analysis Tools](#) : Trade Map, Market Access Map, Investment Map and Standards Map to enhance the transparency of global trade and market access and to help users in their market analyses.

- Users from [developing countries](#) have full access to the tools **free of charge**.
- Users from [developed countries](#) have **restricted access** to the tools **free of charge**. Users wishing to access the full versions of the tools can consult the [subscription option and fees](#).
- Thanks to the support of the European Union, ITC provides **free access** to **European Union users** to our Market Analysis Tools until 31 December 2022.

Please enter your email address: ■  
An activation email will be sent to this address  
It will be used to login to the ITC Market Analysis Tools

Confirm your email address: ■

[Continue registration >](#)

**Market Analysis Tools:**

- Trade Map**  
an online tool with monthly, quarterly and yearly international trade data combined with statistical indicators and information on trading companies which helps you prioritize export or import markets.
- Investment Map**  
an online tool that provides the sector breakdown of foreign direct investment (FDI), trade, market access and foreign affiliates information to support strategies of investment attraction and targeting.
- Market Access Map**  
a free analytical portal that allows users to Access, Compare, Analyse and Download customs tariffs, tariff-rate quotas, trade remedies and non-tariff measures applicable to a specific good in any market in the world. The web-application is interactive, simple and easy to use.
- Market Price Information**  
an online tool to track most recent market price information from multiple sources and geographic areas. It provides daily or weekly prices and market news for more than 300 agricultural products.
- Sustainability Map**  
an online tool to analyse and compare voluntary standards promoting sustainable development applied to the production and trade of goods and services.

## Hướng dẫn tra cứu:

### Bước 1: Lựa chọn sản phẩm và nước

Sau khi đăng nhập, người dùng vào trang chủ của Trade Map và lựa chọn số liệu cần tìm là Imports (Nhập khẩu) hay Export (Xuất khẩu), loại sản phẩm là Service (Dịch vụ) hay Product (Hàng hóa). Sau đó lựa chọn loại sản phẩm trong ô trống đầu tiên, nước quan tâm trong ô trống thứ hai, và đối tác thương mại của nước đó trong ô trống thứ ba.



**ITC** | **TRADE MAP**  
Trade statistics for international business development  
Monthly, quarterly and yearly trade data. Import & export values, volumes, growth rates, market shares, etc.

Home & Search | Data Availability | Reference Material | Other ITC Tools | More | Login | English

Trade Map provides - in the form of tables, graphs and maps - indicators on export performance, international demand, alternative markets and competitive markets, as well as a directory of importing and exporting companies. Trade Map covers 220 countries and territories and 5300 products of the Harmonized System. The monthly, quarterly and yearly trade flows are available from the most aggregated level to the tariff line level.

**Imports** **Exports**

**Service** **Product** ☒ Single ☐ Group  [Advanced search](#)

☒ Country ☐ Region  [Advanced search](#)

## Bước 2: Lựa chọn loại thông tin tra cứu

Sau khi hoàn thành lựa chọn sản phẩm, nước quan tâm và đối tác, người dùng sẽ chọn loại thông tin tìm kiếm theo chỉ số thương mại (Trade Indicators) hay theo thời gian (Yearly Time Series), ...

## Bước 3: Tùy chỉnh loại thông tin và hình thức thể hiện theo nhu cầu

Khi bảng thông tin hiện ra theo các lựa chọn ở Bước 1 và 2, người dùng có thể tiếp tục thay đổi các lựa chọn theo nhu cầu nghiên cứu.

### (3) Cổng Thông tin điện tử về FTA (FTAP)

#### Cổng Thông tin điện tử về FTA (FTAP)

<https://fta.moit.gov.vn/>

Để giúp cộng đồng doanh nghiệp và người dân Việt Nam tận dụng hiệu quả các FTA, đặc biệt là các FTA thế hệ mới như EVFTA, Bộ Công Thương đã phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng và khai trương Cổng Thông tin điện tử về FTA (FTAP) vào năm 2020.

FTAP cung cấp công cụ tra cứu trực tuyến thông minh cho cộng đồng doanh nghiệp và các đối tượng quan tâm đối với cam kết của các FTA mà Việt Nam tham gia như Hiệp định EVFTA, tập trung vào các cam kết thuế quan, quy tắc xuất xứ, dịch vụ và đầu tư, cũng như các thông tin khác như tình hình thị trường, các quy định về xuất nhập khẩu, phát triển bền vững v.v.

- ✓ Ngoài việc đảm bảo tuân thủ quy định & quy chuẩn bắt buộc của EU, doanh nghiệp còn cần đáp ứng các yêu cầu riêng của các nhà nhập khẩu, cùng những tiêu chuẩn và chứng nhận quốc tế cần thiết.

### **Yêu cầu riêng đối với vật liệu cơ sở**

Việc sản xuất vật liệu cơ bản (sợi và phi dệt như da, lông) có tác động đến việc sử dụng nước, hóa chất, năng lượng và ảnh hưởng tiêu cực đến yếu tố phúc lợi. Để giảm thiểu những rủi ro này, nhà nhập khẩu có thể yêu cầu doanh nghiệp lấy nguồn nguyên liệu cơ bản từ nhà cung cấp được chứng nhận. Các tiêu chuẩn và chứng nhận riêng sau đây là phổ biến nhất ở thị trường châu Âu:

- BCI (Sáng kiến Bông Bền vững – Better Cotton Initiative): sáng kiến giúp cải thiện điều kiện trồng bông trên toàn cầu.
- GRS (Tiêu chuẩn Tái chế toàn cầu): tiêu chuẩn về vật liệu tái chế, bao gồm các tiêu chí trách nhiệm xã hội và môi trường cũng như quản lý hóa chất.
- RDS (Responsible Down Standard) và RWS (Responsible Wool Standard): tiêu chuẩn đảm bảo các tiêu chí bảo vệ động vật.

### **Yêu cầu riêng cho chế biến dệt và vải**

Các tiêu chuẩn và chứng nhận sau đây có thể được yêu cầu để đảm bảo rằng hàng dệt và vải đã được sản xuất đảm bảo bảo vệ môi trường. Các thương hiệu và nhà bán lẻ châu Âu sử dụng các tiêu chuẩn này là: Peek & Cloppenburg (Oeko-tex), Zalando (EU Ecolabel), C & A (GOTS) và G-Star (Bluesign).



Tiêu chuẩn 100 của Oekotex - Nhãn đảm bảo người tiêu dùng rằng tất cả các vật liệu được sử dụng trong quần áo đều được kiểm tra về các chất có hại.

Nhãn sinh thái EU (EU Ecolabel)<sup>29</sup> - Nhãn đảm bảo người tiêu dùng rằng hàng dệt được sản xuất bằng cách sử dụng các chất ít độc hại hơn. Tìm hiểu Quyết định 2014/350/EU<sup>30</sup> của EC ngày 5 tháng 6 năm 2014 về việc thiết lập các tiêu chí sinh thái cho dán nhãn Ecolabel của EU cho sản phẩm dệt may.

GOTS (Tiêu chuẩn Dệt hữu cơ toàn cầu) - Tiêu chuẩn bao gồm các khâu từ sản xuất đến phân phối hàng dệt được làm từ ít nhất 70% sợi tự nhiên hữu cơ.

Bluesign - Hệ thống Bluesign giảm tác động đến con người và môi trường trong toàn bộ chuỗi cung ứng dệt may dựa trên quản lý luồng đầu vào.

### **Yêu cầu riêng cho việc sản xuất hàng may mặc**

Một số tiêu chuẩn và chứng chỉ trong ngành dệt may nhằm khuyến khích đối xử công bằng với người lao động trong ngành sản xuất hàng may mặc. Dưới đây là một số tiêu chuẩn được yêu cầu phổ biến nhất bởi người mua châu Âu:

- BSCI (Sáng kiến Tuân thủ trách nhiệm xã hội trong kinh doanh). Đối với nhiều người mua ở châu Âu, BSCI là chứng nhận phổ biến nhất và là một hệ thống quản lý chuỗi cung ứng giúp các nhà sản xuất thúc đẩy tuân thủ trách nhiệm xã hội.
- Các tiêu chuẩn phổ biến khác đảm bảo quyền của người lao động là SA8000, ISO 26000, FWF (Quỹ May mặc bình đẳng - Fair Wear Foundation) và Fairtrade.
- Một tiêu chuẩn quản lý môi trường phổ biến là ISO 14001.

<sup>29</sup> <https://ec.europa.eu/environment/ecolabel/products-groups-and-criteria.html>

<sup>30</sup> <http://data.europa.eu/eli/dec/2014/350/2020-12-01>



## **Yêu cầu bổ sung về bền vững và trách nhiệm xã hội doanh nghiệp:**

Trách nhiệm doanh nghiệp và sự phát triển bền vững ngày càng được EU quan tâm. Việc áp dụng các quy tắc ứng xử hoặc chính sách phát triển bền vững liên quan đến các tác động môi trường và xã hội sẽ mang lại lợi thế cạnh tranh cho các doanh nghiệp.

Hiện nay, nhiều nhà nhập khẩu ở châu Âu đang gia tăng yêu cầu của họ về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR). Yêu cầu tối thiểu là doanh nghiệp sẽ ký một bộ quy tắc ứng xử, trong đó tuyên bố rằng doanh nghiệp tôn trọng luật lao động, môi trường địa phương và tránh tham nhũng. Ngoài ra, người mua có thể yêu cầu doanh nghiệp cung cấp chứng nhận liên quan đến nguồn gốc của sản phẩm, tiền lương trả cho lao động nhà máy và cách thức xử lý chất thải nhà máy. Các công ty từ Bắc Âu và Tây Âu được coi là tương đối nghiêm ngặt về vấn đề này.

### **✓ Lưu ý về REACH và RSL**

- Tìm hiểu danh sách đầy đủ các hóa chất bị cấm sử dụng bởi REACH<sup>31</sup>
- Truy cập phần Hỏi và Đáp trên trang web ECHA<sup>32</sup> để biết câu trả lời cho các vấn đề phổ biến nhất về REACH và việc sử dụng hóa chất trong vải và da.
- Để biết thêm thông tin cơ bản về việc sử dụng và đặc điểm của tất cả các loại hóa chất, truy cập cơ sở dữ liệu Chemexper<sup>33</sup> miễn phí.
- Kiểm tra danh sách các chất bị hạn chế của H&M năm 2021<sup>34</sup> để biết các yêu cầu cụ thể mà các thương hiệu thời trang có thể có.

<sup>31</sup> Danh sách đầy đủ các hóa chất bị cấm sử dụng bởi REACH: <https://echa.europa.eu/substances-restricted-under-reach>

<sup>32</sup> Hỏi và Đáp trên trang web của Cơ quan Hóa chất Châu Âu: <https://echa.europa.eu/support>

<sup>33</sup> Chemexper: <http://www.chemexper.com/>

<sup>34</sup> Danh sách các chất bị hạn chế của H&M năm 2021: [https://hmgroupp.com/content/dam/hmgroupp/groupsite/documents/masterlanguage/CSR/CSR/Policies/HM%20Group%20Chemical%20Restrictions%20Hardline%202021\\_GPCD-000076-3-.pdf](https://hmgroupp.com/content/dam/hmgroupp/groupsite/documents/masterlanguage/CSR/CSR/Policies/HM%20Group%20Chemical%20Restrictions%20Hardline%202021_GPCD-000076-3-.pdf)

- Tìm kiếm trên Internet các ví dụ khác về RSL bằng cách nhập tên của một thương hiệu lớn vào công cụ tìm kiếm của bạn kết hợp với 'RSL'.
- Đọc thêm về chương trình ZDHC và kiểm tra thương hiệu nào đang làm việc với ZDHC.
- Nhận thông báo mới nhất về các quy định của quốc gia và EU và các lệnh cấm đối với sản phẩm trên ePingalert<sup>35</sup>.
- ePing là sản phẩm của 3 tổ chức quốc tế, Bộ Kinh tế và Xã hội của Liên hợp quốc (*the United Nations Department for Economic and Social Affairs - UNDESA*), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và ITC. ePing kết hợp chuyên môn và kinh nghiệm của 3 tổ chức trên để tạo điều kiện dễ dàng truy cập thông tin về yêu cầu sản phẩm trong thị trường nước ngoài.
- Đảm bảo rằng doanh nghiệp chỉ làm việc với các nhà cung cấp sợi, thuốc nhuộm, vải và da, nhãn, bản in, đồ trang trí và phụ kiện tuân thủ REACH. Yêu cầu bằng chứng rằng họ đang có.
- Tạo hợp đồng với nhà cung cấp của doanh nghiệp, trong đó các yêu cầu pháp lý của EU được quy định và chỉ rõ.
- Thực hiện kiểm tra sản phẩm ngẫu nhiên để đảm bảo nhà cung cấp của doanh nghiệp đã thực sự hoàn thành hợp đồng của mình. Luôn sử dụng phòng thử nghiệm được chứng nhận. Tiêu chuẩn năng lực được sử dụng nhiều nhất cho các phòng thí nghiệm là ISO/IEC 17025.
- Kiểm tra danh sách các chất có khả năng bị cấm hoặc hạn chế sử dụng trên trang web của ECHA<sup>36</sup>
- Lưu ý rằng, một số quốc gia châu Âu có các hạn chế bổ sung hoặc nghiêm ngặt hơn đối với các chất hóa học. Ví dụ, một số quốc gia cứng rắn với formaldehyde trong hàng dệt (Áo, Đức, Phần Lan và Hà Lan), những quốc gia khác về phencyclidine, hoặc PCP, trong hàng dệt (Áo, Đan Mạch, Đức, Hà

<sup>35</sup> EPingalert: <https://www.epingalert.org/en>

<sup>36</sup> Danh sách các chất có khả năng bị cấm hoặc hạn chế sử dụng: <https://echa.europa.eu/candidate-list-table>

Lan) và những nước khác về thuốc nhuộm phân tán trong hàng dệt (Đức). Để tìm hiểu thêm, hãy liên hệ với Bộ phận trợ giúp<sup>37</sup> của ECHA hoặc các cơ quan quốc gia ở châu Âu.



### ✓ Lưu ý về giấy chứng nhận xuất xứ C/O

Việc áp dụng hạn mức linh hoạt cho sản phẩm dệt may trong Hiệp định EVFTA được thể hiện qua chú giải cuối trang tại danh mục Quy tắc cụ thể mặt hàng (PSR). Thêm vào đó, chỉ có những dòng hàng có ghi chú cuối trang về hạn mức linh hoạt mới được phép áp dụng, không tự động áp dụng cho toàn bộ nguyên liệu và sản phẩm dệt may như một số Hiệp định FTA khác.

C/O mẫu EUR.1 có những nội dung khá quen thuộc và đơn giản hơn so với Mẫu C/O trong các FTA trước đây. Mặc dù vậy, nội dung của Mẫu này trong EVFTA vẫn có những điểm khác biệt đáng chú ý so với các FTA Việt Nam từng ký kết khác.

<sup>37</sup> Bộ phận trợ giúp của ECHA: <https://echa.europa.eu/support/helpdesks>

Các nội dung này cũng ảnh hưởng trực tiếp tới các loại giấy tờ mà doanh nghiệp cần cung cấp hoặc thông tin khai báo. Hiện các cam kết EVFTA về các vấn đề này đã được nội luật hóa và hướng dẫn cụ thể trong Thông tư 11/2020/TT-BCT về quy tắc xuất xứ hàng hóa trong EVFTA. Doanh nghiệp xuất khẩu muốn hàng hóa hưởng ưu đãi thuế quan theo EVFTA cần tra cứu kỹ Thông tư này để biết QTXX từng mặt hàng và hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo EVFTA.

Ngoài ra doanh nghiệp cũng cần chú ý C/O mẫu EUR.1 có thể được cấp sau thời điểm xuất khẩu từ Việt Nam và nộp sau thời điểm nhập khẩu vào EU. Vì vậy, trong trường hợp hàng hóa của doanh nghiệp đáp ứng được QTXX của EVFTA nhưng vì lý do chính đáng nào đó mà chưa kịp xin C/O mẫu EUR.1 tại cơ quan có thẩm quyền Việt Nam thì vẫn có thể xin cấp C/O này sau thời điểm hàng hóa đã xuất khẩu sang EU. Đồng thời, doanh nghiệp có thể nộp muộn C/O mẫu EUR.1 cho cơ quan hải quan EU sau khi hàng hóa đã được nhập khẩu vào thị trường này để xin hồi tố thuế quan ưu đãi EVFTA mà trước đó vì chưa có C/O mẫu EUR.1 nên chưa được hưởng ưu đãi thuế.

#### ✓ Lưu ý trong giao dịch mua bán hàng hóa

Gần đây, tại một số nước như Bắc Âu, Italia, Pháp, Hà Lan... xuất hiện tình trạng mạo danh các công ty nhập khẩu uy tín để lừa đảo các doanh nghiệp nước ngoài. Các đối tượng lừa đảo (thường từ các khu vực Trung Đông hoặc châu Phi) lợi dụng tâm lý cho rằng các nước châu Âu là các nước phát triển, hệ thống luật pháp chặt chẽ, các công ty làm ăn đảm bảo uy tín, đã lập các website giả danh các công ty có thật với địa chỉ văn phòng giả tại các nước EU nhằm tăng sự tin tưởng của các doanh nghiệp và sử dụng những phương thức lừa đảo tinh vi, đa dạng và khó xác minh. Vì vậy, doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam cần lưu ý, thận trọng và tìm hiểu kỹ đối tác trước khi ký kết, thực hiện hợp đồng mua bán.

### ✓ Các lưu ý khác

Như đã đề cập, người tiêu dùng châu Âu rất coi trọng vấn đề môi trường và sẵn sàng trả giá cao cho những sản phẩm bền vững, bảo vệ môi trường. Đặc biệt xu hướng này đang ngày càng phát triển trong những năm gần đây. Do vậy, doanh nghiệp Việt Nam có thể xem xét, phát triển sản phẩm theo hướng sản xuất từ nguyên vật liệu tự nhiên, thân thiện với môi trường, có thể tái chế và tái sử dụng. Đồng thời nâng cao quy trình sản xuất, tuân theo đúng quy định để giảm thiểu nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe và môi trường.

Các sản phẩm may mặc phải được hoàn thiện tốt, được làm chính xác theo yêu cầu chất lượng của nhà nhập khẩu và các thông số kỹ thuật khác theo thỏa thuận. Năng lực sản xuất, định giá nhạy bén và giao hàng nhanh là cần thiết để thiết lập mối quan hệ đáng tin cậy với các nhà nhập khẩu hoặc những người mua khác. Nhu cầu thay đổi nhanh chóng trên thị trường quần áo là một yếu tố quan trọng. Do thị trường quần áo có tính năng động cao hơn về sở thích của người tiêu dùng thay đổi nhanh hơn và nhiều mùa hơn mỗi năm, nên có xu hướng chung trong ngành quần áo là yêu cầu thời gian giao hàng ngắn hơn và khối lượng hàng loạt và đơn đặt hàng nhỏ hơn.

Ngành công nghiệp dệt may thải ra lượng lớn CO<sub>2</sub> mỗi năm ra môi trường. EU đã có chương trình hành động và mục tiêu để giảm lượng phát thải CO<sub>2</sub> ra môi trường, đồng thời thông qua Cơ chế điều chỉnh Carbon, theo đó sẽ đánh thuế CO<sub>2</sub> lên các sản phẩm nhập khẩu từ các nhà sản xuất và dự kiến có hiệu lực vào các năm tới. Do vậy, các doanh nghiệp Việt Nam cần có sự chuẩn bị, đầu tư trang thiết bị về quy trình sản xuất, các biện pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu CO<sub>2</sub> phát thải để đáp ứng các quy định của EU.



## VIII. Các địa chỉ, thông tin hữu ích

### 1. Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VITAS)

Địa chỉ: Tầng 15, Khu VP tòa nhà C1 Thành Công, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Hà Nội.

Điện thoại: 84-24-39349608 / 39361167 / 39364134

Email: [info@vietnamtextile.org.vn](mailto:info@vietnamtextile.org.vn)

### 2. Các Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam

#### Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu (EuroCham)

##### Văn phòng Hà Nội:

Địa chỉ: Căn 08, Tầng 3B, Tháp Horizon, 40 Cát Linh, Hà Nội

Tel: (84-24) 3 715 2228

Fax: (84-24) 3 715 2218

Email: [info-hn@eurochamvn.org](mailto:info-hn@eurochamvn.org)

##### Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 5, Deutsches Haus TP.HCM, 33 Lê Duẩn, Quận 1, TP.HCM

Tel: (84-28) 3827 2715

Fax: (84-28) 3827 2743

Email: [info-hcm@eurochamvn.org](mailto:info-hcm@eurochamvn.org)

#### Hiệp Hội Doanh nghiệp Bỉ - Luxembourg (Belux Cham)

Địa chỉ: Tầng 5, Deutsches Haus TP.HCM, 33 Lê Duẩn, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: 028-38224029; Fax: 028-38272743

Email: [info@beluxcham.com](mailto:info@beluxcham.com)

Website: <https://www.beluxcham.com>

#### Hiệp hội Doanh nghiệp Hà Lan (DBAV)

Địa chỉ: Dreamplex, 4F Tòa IMC, 62 Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh,

Điện thoại: +84 28 73 00 22 94; Fax: 028-38272743

Website: <https://dbav.org.vn>

#### Phòng Thương mại và Công nghiệp Pháp (CCIFV)

##### Văn phòng Hà Nội:

CCI France-Vietnam, 59 Hàm Long, Quận Hoàn Kiếm.

##### Văn phòng Hồ Chí Minh:

186 Nguyễn Văn Hưởng, Thảo Điền, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028-38258625

Email: [info.hcm@ccifv.org](mailto:info.hcm@ccifv.org)

Website: <https://www.ccifv.org>

**Hiệp hội Doanh nghiệp Đức (GBA)**

Địa chỉ: Tầng 4, Deutsches Haus TP.HCM, 33 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028-38239772

Email: [info@gba-vietnam.org](mailto:info@gba-vietnam.org)

Website: <https://gba-vietnam.org>

**Phòng Thương mại Bắc Âu (NordCham)****Văn phòng Hà Nội:**

Địa chỉ: Căn 08, Tầng 3B, Tháp Horizon, 40 Cát Linh, Hà Nội

Tel: (84-24) 3 715 2228

Fax: (84-24) 3 715 2218

Email: [chair@nordchamvietnam.com](mailto:chair@nordchamvietnam.com)/[admin@nordchamvietnam.com](mailto:admin@nordchamvietnam.com)

**Văn phòng Hồ Chí Minh:**

Địa chỉ: 15F, Tòa nhà Landmark, 5B Tôn Đức Thắng, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028-38272715; Fax: 028-38272743

Email: [vicechair@nordchamvietnam.com](mailto:vicechair@nordchamvietnam.com)

Website: <https://nordchamvietnam.com>

**Hiệp hội Doanh nghiệp Italia (ICHAM)****Văn phòng Hà Nội:**

Địa chỉ: Casa Italia, 18 Lê Phụng Hiểu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (+84) 24 3824 5997

**Văn phòng Hồ Chí Minh:**

Địa chỉ: Tầng 5, Deutsches Haus TP.HCM, 33 Lê Duẩn, Quận 1, TP.HCM

Tel: 028-38224059; Fax: 028-38224427

Email: [officer@icham.org](mailto:officer@icham.org)

Website: <http://www.icham.org>

**Hiệp hội Doanh nghiệp Tây Ban Nha**

Địa chỉ: 701-702, Tầng 7, Diamond Plaza, 34 Lê Duẩn, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028-38251939;

Email: [spanishchambervn@gmail.com](mailto:spanishchambervn@gmail.com)

Website: <http://www.spanishchambervn.com>

**3. Hệ thống Thương vụ Việt Nam tại châu Âu****Thương vụ tại Anh kiêm nhiệm Ireland**

Tham tán Công sứ: Nguyễn Cảnh Cường

Địa chỉ: F 23, Bullingham Mansions Pitt Street

Tel: +44 207 207 9825

Email: [uk@moit.gov.vn](mailto:uk@moit.gov.vn), [cuongnc@moit.gov.vn](mailto:cuongnc@moit.gov.vn)

<b>Thương vụ tại Áo kiêm nhiệm Slovenia</b> Phụ trách Thương vụ: Trần Việt Phương Địa chỉ: Gregor Mendel Strasse 52, 1190 Vienna, Austria Tel: +43 1 3671759 Email: <a href="mailto:at@moit.gov.vn">at@moit.gov.vn</a> ; <a href="mailto:phuongtvi@moit.gov.vn">phuongtvi@moit.gov.vn</a>
<b>Thương vụ tại Ba Lan kiêm nhiệm Litva, Phần Lan, Estonia</b> Tham tán Thương mại: Nguyễn Thành Hải Địa chỉ: Ul. Łucka 20, m. 87, 00-845, Warszawa Tel: +48 22 1147131 Email: <a href="mailto:pl@moit.gov.vn">pl@moit.gov.vn</a> , <a href="mailto:haint@moit.gov.vn">haint@moit.gov.vn</a>
<b>Thương vụ tại Bỉ và EU kiêm nhiệm Luxembourg</b> Tham tán Thương mại: Trần Ngọc Quân Địa chỉ: Avenue de Foestraets 16, 1180 Uccle - Brussels, Belgium Tel: +32 2 3118976 Email: <a href="mailto:quantn@moit.gov.vn">quantn@moit.gov.vn</a> , <a href="mailto:be@moit.gov.vn">be@moit.gov.vn</a>
<b>Thương vụ tại Bungari kiêm nhiệm Hy Lạp, Macedonia, Albania</b> Phụ trách Thương vụ: Phạm Tuấn Huy Địa chỉ: 1, Jetvarka Str., 1113 Sofia Bulgaria Tel: +359 2 9632609 ext 102 Email: <a href="mailto:bg@moit.gov.vn">bg@moit.gov.vn</a> , <a href="mailto:huypt@moit.gov.vn">huypt@moit.gov.vn</a>
<b>Thương vụ tại Đức</b> Tham tán Thương mại: Bùi Vương Anh Địa chỉ: Oranien str.164, 10969 Berlin, Bundesrepublik Deutschland Tel: +49 30 2298198; +49 30 2292374 Email: <a href="mailto:de@moit.gov.vn">de@moit.gov.vn</a> ; <a href="mailto:anhbv@moit.gov.vn">anhbv@moit.gov.vn</a>
<b>Thương vụ tại Hà Lan</b> Tham tán Thương mại: Võ Thị Ngọc Diệp Địa chỉ: 261 Laan Van Nieuw Oost – Indie 2593 BR, The Hague Tel: +31 70 3815594 Email: <a href="mailto:nl@moit.gov.vn">nl@moit.gov.vn</a>
<b>Thương vụ tại Hungary kiêm nhiệm Croatia, Bosnia-Herzegovina</b> Tham tán Thương mại: Phạm Văn Công Địa chỉ: H-1147 Budapest, Miskolci utca 89 Tel: + 36 1 2616361 Email: <a href="mailto:hu@moit.gov.vn">hu@moit.gov.vn</a> , <a href="mailto:congvt@gmail.com">congvt@gmail.com</a>
<b>Thương vụ tại Pháp kiêm nhiệm Bồ Đào Nha, Monaco, Andorra</b>

Phụ trách Thương vụ: Vũ Anh Sơn Địa chỉ: 44 Avenue de Madrid, 92200 Neuilly sur Seine, France Tel: +33 1 46248577 Email: <a href="mailto:fr@moit.gov.vn">fr@moit.gov.vn</a>
<b>Thương vụ tại Rumani kiêm nhiệm Serbia, Montenegro</b> Tham tán Thương mại: Phạm Thu Hà Địa chỉ: Strada General Alexandru Cernat nr.3A, Sector 1, Bucuresti – Rumani. Tel: +40 31 1007613 Email: <a href="mailto:ro@moit.gov.vn">ro@moit.gov.vn</a> ; <a href="mailto:haphth@moit.gov.vn">haphth@moit.gov.vn</a>
<b>Thương vụ tại Séc kiêm nhiệm Slovakia</b> Tham tán thương mại: Nguyễn Thị Hồng Thủy Địa chỉ: Rasinovo Nabrezi 38, 128 00 Praha 2, Czech Republic Tel: +420 773 635 829 Email: <a href="mailto:cz@moit.gov.vn">cz@moit.gov.vn</a> ; <a href="mailto:thuyngh@moit.gov.vn">thuyngh@moit.gov.vn</a>
<b>Thương vụ tại Tây Ban Nha</b> Tham tán thương mại: Vũ Chiến Thắng, Địa chỉ: Paseo de la Castellana, 166, Esc.2, 2º Izq, 28046 Madrid, Spain Tel: +34 91 3450519 Email: <a href="mailto:espa@moit.gov.vn">espa@moit.gov.vn</a> ; <a href="mailto:thangvc@moit.gov.vn">thangvc@moit.gov.vn</a>
<b>Thương vụ tại Thụy Điển kiêm nhiệm Đan Mạch, Iceland, Na Uy, Latvia</b> Tham tán Thương mại: Nguyễn Thị Hoàng Thúy Địa chỉ: Upplandsgatan 38, 5th Floor, 11328 Stockholm, Sweden Tel: +46 8 322666 Email: <a href="mailto:se@moit.gov.vn">se@moit.gov.vn</a> , <a href="mailto:thuynh@moit.gov.vn">thuynh@moit.gov.vn</a>
<b>Thương vụ tại Ý kiêm nhiệm Malta, Cyprus, San Marino</b> Tham tán Công sứ: Nguyễn Đức Thanh Địa chỉ: Via Po 22, 00198 Roma, Italia Tel: +39 06 841 3913 Email: <a href="mailto:it@moit.gov.vn">it@moit.gov.vn</a> , <a href="mailto:thanhnguyen@moit.gov.vn">thanhnguyen@moit.gov.vn</a>

#### 4. Mạng lưới cơ sở dữ liệu hữu ích khác

- Liên minh châu Âu: <http://europa.eu/>
- Cơ sở dữ liệu pháp luật của EU: <https://eur-lex.europa.eu/homepage.html>
- Ủy ban tiêu chuẩn hóa châu Âu (CEN - European Committee for Standardization): <https://www.cen.eu/Pages/default.aspx>
- Cơ quan Hóa chất châu Âu (ECHA) và Hệ thống về Đăng ký, đánh giá, cấp phép và hạn chế hóa chất (REACH): <https://echa.europa.eu>

- Ủy ban châu Âu về Thương mại, ngành Dệt may:  
[http://trade.ec.europa.eu/sigl/info\\_textile.htm](http://trade.ec.europa.eu/sigl/info_textile.htm) & Hệ thống tích hợp để quản lý giấy phép nhập khẩu hàng dệt may, quần áo và sản phẩm thép:  
<http://trade.ec.europa.eu/sigl/>
- Ủy ban châu Âu - Tổng cục Thị trường nội bộ, Công nghiệp, Doanh nhân và Doanh nghiệp nhỏ - Pháp luật về dệt may:  
<http://ec.europa.eu/growth/sectors/fashion/textiles-clothing/legislation/>
- Cơ quan Thống kê châu Âu Eurostat: <https://ec.europa.eu>
- Liên minh Thuế và Hải quan châu Âu:  
[https://ec.europa.eu/taxation\\_customs](https://ec.europa.eu/taxation_customs)
- Liên đoàn Dệt may châu Âu: <https://euratex.eu/>
- Trung tâm thúc đẩy xuất khẩu từ các nước đang phát triển của Hà Lan:  
<https://www.cbi.eu/>
- Vụ Thị trường châu Âu – châu Mỹ, Bộ Công Thương:  
<https://goglobal.moit.gov.vn/>
- Cổng Thông tin điện tử về FTA (FTAP): <https://fta.moit.gov.vn/>
- Chiến lược về ngành dệt may châu Âu: [https://ec.europa.eu/info/law/better-regulation/have-your-say/initiatives/12822-EU-strategy-for-sustainable-textiles\\_en](https://ec.europa.eu/info/law/better-regulation/have-your-say/initiatives/12822-EU-strategy-for-sustainable-textiles_en)
- Nguồn tin Euromonitor: <http://www.portal.euromonitor.com>
- Safe Gate : <https://ec.europa.eu/safety-gate/#/screen/home>
- Chỉ thị chung về An toàn sản phẩm (Product Safety Directive):  
<http://data.europa.eu/eli/dir/2001/95/2010-01-01>
- Danh sách các hóa chất bị hạn chế bởi REACH:  
<https://echa.europa.eu/substances-restricted-under-reach>
- Luật về các chất hóa học hủy hoại môi trường - ECHA:  
<https://echa.europa.eu/regulations/biocidal-products-regulation/understanding-bpr>
- Cách tuân thủ hướng dẫn của ZDHC:  
<https://www.roadmaptozero.com/input#CG>
- Quy định về an toàn trong đồ may mặc cho trẻ con:  
[http://data.europa.eu/eli/dec\\_impl/2019/1698/oj](http://data.europa.eu/eli/dec_impl/2019/1698/oj)
- Quy định về gắn nhãn CE: <http://data.europa.eu/eli/reg/2016/425/oj>
- Quy định về chất diệt khuẩn của EU:  
<http://data.europa.eu/eli/reg/2012/528/oj>



**5. Tham khảo một số doanh nghiệp xuất khẩu hàng dệt may sang EU đạt kim ngạch cao nhất trong 7 tháng năm 2021**

STT	DOANH NGHIỆP
1	CTY TNHH WORLDON (VIỆT NAM)
2	CTY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN
3	CTY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG
4	CTY TNHH HAIVINA
5	TỔNG CTY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN
6	CTY TNHH MAY TINH LỢI
7	CTY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL VIỆT NAM
8	CTY SCAVI HUẾ
9	CTY TNHH MAY MẶC ALLIANCE ONE
10	CTY TNHH SHINTS BVT
11	CTY CỔ PHẦN MAY MẶC LEADING STAR VIỆT NAM
12	CTY TNHH FABI SECRET VIỆT NAM
13	CTY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MẶT TRỜI VIỆT
14	CTY TNHH HANESBRANDS VIỆT NAM
15	CTY TNHH TRIUMPH INTERNATIONAL VIỆT NAM
16	CTY TNHH MAY MẶC DỆT KIM SMART SHIRTS (VIỆT NAM)
17	CTY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3
18	CTY TNHH DỆT MAY ECLAT VIỆT NAM
19	CTY TNHH THỜI TRANG STAR
20	CTY TNHH E-TOP VIỆT NAM
21	CTY TNHH YOUNGONE NAM ĐỊNH
22	CTY MAY MẶC QUẢNG VIỆT
23	CTY TNHH JASAN VIỆT NAM
24	CTY TNHH MAY ACCASETTE
25	CTY TNHH SEIDENSTICKER VIỆT NAM
26	TỔNG CTY MAY 10 - CTY CỔ PHẦN
27	CTY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU MINH TÂM
28	CTY TNHH ESQUEL GARMENT MANUFACTURING (VIỆT NAM)
29	CTY TNHH TANS (VIỆT NAM)
30	CTY TNHH KIDO VINH
31	CTY TNHH CRYSTAL MARTIN (VIỆT NAM)
32	CTY TNHH MAY MẶC BOWKER (VIỆT NAM)
33	CTY CỔ PHẦN SẢN XUẤT HÀNG THỂ THAO
34	TỔNG CTY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ
35	TỔNG CTY ĐỨC GIANG - CTY CỔ PHẦN
36	CTY TNHH MAXPORT LIMITED (VIET NAM)
37	CTY TNHH CÔNG NGHỆ MAY MẶC SPECTRE VIỆT NAM

STT	DOANH NGHIỆP
38	CTY TNHH APPAREL FAR EASTERN (VIETNAM)
39	CTY TNHH NV APPAREL
40	CTY TNHH ANSELL VINA
41	CTY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG.
42	CTY TNHH MAY MẶC UNITED SWEETHEARTS VIỆT NAM
43	CTY TNHH YI DA VIỆT NAM
44	CTY TNHH THƯƠNG MẠI VIỆT VƯƠNG
45	TỔNG CTY MAY HƯNG YÊN - CTY CỔ PHẦN
46	CTY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HỒ GƯƠM
47	CTY TNHH PS VINA
48	CTY TNHH LTP VIỆT NAM
49	CTY TNHH QUỐC TẾ CERIE (VIỆT NAM)
50	CTY TNHH TAV
51	CTY CỔ PHẦN TỔNG CTY MAY BẮC GIANG LGG
52	CTY TNHH SAITEX INTERNATIONAL ĐỒNG NAI (VN)
53	CTY TNHH QUẢNG VIỆT (TIỀN GIANG)
54	CTY TNHH ENVIRONSTAR
55	CTY CỔ PHẦN SCAVI
56	TỔNG CTY MAY NHÀ BÈ - CTY CỔ PHẦN
57	CTY TNHH NEW APPAREL FAR EASTERN (VIỆT NAM)
58	CTY TNHH MAY MẶC FIRST TEAM VIỆT NAM
59	CTY CỔ PHẦN MAY SÔNG HỒNG
60	CTY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THẢO MINH

(Danh sách thống kê sơ bộ, chỉ mang tính tham khảo)

**VỤ THỊ TRƯỜNG CHÂU ÂU - CHÂU MỸ, BỘ CÔNG THƯƠNG**

**Địa chỉ:** 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**Tel:** +84 24.2220.5376

**Email:** [vuaumy.molt@gmail.com](mailto:vuaumy.molt@gmail.com)

**Website:** [goglobal.moit.gov.vn](http://goglobal.moit.gov.vn)

**Facebook:** [www.fb.com/vuthitruongchauauchaumy](http://www.fb.com/vuthitruongchauauchaumy)